

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRỊNH NGỌC TÚ

TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ  
CỦA PLATON TRONG TÁC PHẨM  
"CHÍNH THỂ CỘNG HÒA"

LUẬN VĂN THẠC SĨ  
KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

**2014 | PDF | 90 Pages**  
**[buihuuhanh@gmail.com](mailto:buihuuhanh@gmail.com)**

Đà Nẵng - 2014

**BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO**  
**ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

**TRỊNH NGỌC TÚ**

**TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ**  
**CỦA PLATON TRONG TÁC PHẨM**  
**"CHÍNH THỂ CỘNG HÒA"**

**CHUYÊN NGÀNH: TRIẾT HỌC**  
**MÃ SỐ: 60.22.80**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ**  
**KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGUYỄN TẤN HÙNG**

**Đà Nẵng – 2014**

## LỜI CAM ĐOAN

ᱚᱠᱛᱚ

*Tôi cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi.*

*Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.*

*Đà Nẵng, tháng ... năm 2013*

**Tác giả luận văn**

**Trịnh Ngọc Tú**

## MỤC LỤC

<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn .....	4
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	4
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu .....	4
5. Kết cấu của luận văn .....	5
6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu .....	5
<b>CHƯƠNG 1. HOÀN CẢNH LỊCH SỬ VÀ TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN CỦA SỰ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ CỦA PLATON TRONG TÁC PHẨM “CHÍNH THỂ CỘNG HÒA” .....</b>	<b>9</b>
1.1. NHỮNG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ, CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI .....	9
1.2. NHỮNG TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN .....	17
1.3. PLATON: CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP.....	20
1.3.1. Cuộc đời Platon.....	20
1.3.2. Sự nghiệp của Platon .....	25
<b>CHƯƠNG 2. HÌNH THỨC, KẾT CẤU CỦA TÁC PHẨM VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ PLATON TRONG “CHÍNH THỂ CỘNG HÒA” .....</b>	<b>31</b>
2.1. HÌNH THỨC, KẾT CẤU CỦA TÁC PHẨM VÀ NHỮNG NHÂN VẬT THAM GIA ĐỐI THOẠI TRONG TÁC PHẨM.....	31
2.1.1. Hình thức của tác phẩm .....	31
2.1.2. Kết cấu của tác phẩm .....	33
2.1.3. Những nhân vật tham gia đối thoại trong tác phẩm .....	34
2.2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ PLATON TRONG TÁC PHẨM “CHÍNH THỂ CỘNG HÒA” .....	36

2.2.1. Về vấn đề “công chính”. Mối quan hệ giữa phẩm chất công bằng chính trực của cá nhân người cầm quyền với sự công bằng của xã hội .....	36
2.2.2. Vấn đề giáo dục xã hội và quản lý tầng lớp người cầm quyền ..	46
2.2.3. Từ cấu trúc ba phần của linh hồn đến cấu trúc ba đẳng cấp của xã hội.....	52
2.2.4. Quân vương triết học (Nhà vua là nhà triết học).....	55
2.2.5. Vấn đề giới tính, hôn nhân và sinh sản trong nhà nước thành bang .....	55
2.2.6. Các hình thức nhà nước thiếu công chính .....	57
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>61</b>
<b>CHƯƠNG 3. NHỮNG YẾU TỐ HỢP LÝ VÀ HẠN CHẾ Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ PLATON TRONG TÁC PHẨM “CHÍNH THỂ CỘNG HÒA”.....</b>	<b>62</b>
3.1. NHỮNG YẾU TỐ HỢP LÝ VÀ HẠN CHẾ TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ PLATON .....	62
3.1.1. Những yếu tố hợp lý .....	62
3.1.2. Những mặt hạn chế.....	67
3.2. Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ PLATON ĐỐI VỚI THỜI ĐẠI NGÀY NAY .....	73
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>79</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	
<b>QUYẾT ĐỊNH GIAO ĐỀ TÀI</b>	

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Như đã biết, triết học ra đời từ rất sớm trong lịch sử tư tưởng nhân loại (cách đây khoảng 2500 năm). Triết học Hy Lạp cổ đại là khúc dạo đầu cho một bản nhạc giao hưởng, hợp xướng của triết học phương Tây. Đó là một giai đoạn lịch sử khởi nguyên của triết học nhân loại làm tiền đề cho toàn bộ hệ thống triết học phương Tây sau này. Trong bản hợp xướng đầu tiên đó có những đôi bàn tay vàng của các triết gia đã dệt nên những trang bất hủ qua sự thử thách bởi thời gian. Một trong những đôi bàn tay đẹp nhất ở Hy Lạp cổ đại là của Platon.

Trong cuộc sống ai ai cũng muốn mình sống trong một thế giới hòa bình, một quốc gia hưng thịnh, hạnh phúc. Có những người còn mơ ước cao xa hơn như xây dựng cuộc đời này thành một cảnh giới “thiên đàng trần thế” hay “bồng lai tiên cảnh”. Những tư tưởng đó như ta thấy, được thể hiện từ rất xưa như tư tưởng “thế giới đại đồng” của Nho giáo ở Trung Quốc cổ đại, một “nước Chúa” của Kitô giáo phương Tây hay một “Nhân gian tịnh độ” của Phật giáo Ấn Độ. Tuy tên gọi không giống nhau nhưng với những tư tưởng như vậy phần nào đã thể hiện ước muốn chung nhất, một ước muốn đem lại hạnh phúc hòa bình cho toàn nhân loại nói chung và cho dân tộc trong một đất nước nói riêng.

Cùng với những tâm tư và nguyện vọng ấy, Platon, một triết gia Hy Lạp cổ đại đã vạch ra một con đường để xây dựng một “quốc gia lý tưởng”, một quốc gia theo ông là hoàn hảo nhất mà con người có thể đạt được. Platon được xem là một trong những triết gia cổ đại xuất sắc nhất với rất nhiều ý tưởng vĩ đại. Nói về ông như nói về một bộ bách khoa toàn thư.

Suốt cuộc đời đầy khó khăn gian khổ, ông đã hy sinh tất cả để rao

giảng những vấn đề triết học, những đạo lý trong cuộc sống làm người. Tư tưởng chính trị của ông hình thành trong điều kiện khủng hoảng của nền dân chủ chủ nô, sự gia tăng căng thẳng và xung đột xã hội, sự mất phương hướng của con người trong đời sống tinh thần. Dưới hình thức duy tâm, ông phát triển tư tưởng của Socrates, xây dựng những nền tảng vững chắc của ý thức con người. Ông có công lớn trong việc nghiên cứu các vấn đề của ý thức xã hội, khẳng định vai trò to lớn của nó trong việc hình thành nhân cách và ý thức cá nhân con người. Đồng thời, bước đầu ông xây dựng những nền tảng của các khái niệm, phạm trù và tư duy lý luận nói chung. Tư tưởng chính trị chiếm vị trí quan trọng trong hệ thống tư tưởng của Platon.

Platon đã đưa vào các tác phẩm của mình tâm trạng và khát vọng của người Hy Lạp, suy tư của triết gia về sự cần thiết cải tổ đời sống xã hội vì mục tiêu nhân văn, khai sáng. Do định kiến giai cấp và điều kiện lịch sử trong khuôn khổ chế độ chiếm hữu nô lệ, một số quan điểm của ông, trong đó có quan điểm chính trị, chứa đựng những yếu tố không tương và bảo thủ. Song, như một tất yếu của sự phát triển tư tưởng, những vấn đề mà ông nêu ra, cùng với các tên tuổi của thế giới cổ đại phương Tây như Solon, Pericles, Socrates, Democritus, Aristoteles, Polybius, v.v., đã tạo nên điểm xuất phát của lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây.

“Chính thể cộng hoà” là tác phẩm điển hình của tư tưởng triết học chính trị Platon. Dưới hình thức đối thoại, tác phẩm ấy đã thể hiện quan điểm chính trị cơ bản của Platon, thống nhất với thế giới quan và nhận thức luận của ông. Tác phẩm “Chính thể cộng hoà” được hình thành nhằm giải đáp câu hỏi: thế nào là một nhà nước hoàn thiện, hay nhà nước lý tưởng? Câu trả lời nằm ở nguyên tắc xuyên suốt của nhà nước là nguyên tắc *công bằng xã hội*. Sự cụ thể hóa lời đáp ấy đã được Platon phân tích sâu sắc trong hàng loạt các vấn đề có mối liên hệ hữu cơ với nhau, đó là vấn đề mối quan hệ giữa phẩm

chất công bằng chính trực của người cầm quyền với công bằng và công lý trong đời sống xã hội, giữa năng lực trí tuệ và tâm lý của cá nhân với vấn đề phân công lao động và phân tầng xã hội, vấn đề chủ thể quyền lực và tổ chức đời sống cộng đồng, sở hữu và gia đình, giáo dục và nghệ thuật, v.v.. Tất cả đều hướng tới xây dựng một nhà nước tốt đẹp, vượt qua những kiểu nhà nước khác, mà theo Platon, đều ít nhiều vi phạm tính công bằng. Đó thật sự là những minh chứng về giá trị và ý nghĩa lịch sử của tư tưởng triết học chính trị Platon.

Mặc dù, còn có những điều kiện lịch sử chi phối, song những vấn đề mà ông đặt ra trong tác phẩm thật sự có ý nghĩa đối với chúng ta. Đó là tình yêu lý tưởng một cách thiết tha, là ước muốn về một xã hội đồng thuận và ổn định dựa trên nguyên tắc công bằng, nơi quyền lực tập trung vào tay những người tiêu biểu cho trí tuệ của quốc gia, kết hợp với các hình thức quyền lực đã có như quân chủ, quý tộc, quả đầu (đầu sỏ) chính trị, nhằm đảm bảo ổn định và trật tự của nhà nước, dựa trên nguyên tắc xuyên suốt là công bằng.

Nói về vai trò của triết học đối với sự phát triển của khoa học và tư duy lý luận, Ph. Ăngghen khẳng định: "Một dân tộc muốn đứng vững trên đỉnh cao của khoa học thì không thể không có tư duy lý luận" [13, tr. 489]; và để đạt được mục đích đó thì "không có cách nào khác hơn là nghiên cứu toàn bộ triết học thời trước" [14, tr. 487]. Và nghiên cứu "triết học thời trước", chúng ta không thể không nghiên cứu triết học Hy Lạp cổ đại, vì như Ăngghen đã khẳng định: "Từ các hình thức muôn hình muôn vẻ của triết học Hy Lạp, đã có mầm mống và đang nảy nở hầu hết các loại thể giới quan sau này" [14, tr. 491]. Khi nghiên cứu triết học Hy Lạp cổ đại, chúng ta không thể không nghiên cứu triết học của Platon bởi ông được coi là một trong những nhà tư tưởng sáng tạo, có ảnh hưởng rất lớn trong lịch sử triết học phương Tây sau này.



Với sự cần thiết tìm hiểu tư tưởng triết học chính trị Platon, qua đó làm rõ mối liên hệ lịch sử giữa quá khứ và hiện tại, rút ra những vấn đề, những bài học cho quá trình hoàn thiện nhà nước, phát triển xã hội trong điều kiện hiện nay, tôi chọn: *“Tư tưởng triết học chính trị của Platon trong tác phẩm Chính thể cộng hòa”* làm đề tài nghiên cứu trong luận văn cao học của mình.

## **2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn**

*- Mục đích nghiên cứu của luận văn*

Luận văn có mục đích phân tích tư tưởng triết học chính trị của Platon trong tác phẩm “Chính thể cộng hòa”, qua đó vạch ra những giá trị và hạn chế của tư tưởng đó, đồng thời chỉ ra những vấn đề có ý nghĩa lâu dài trong thời đại ngày nay.

*- Nhiệm vụ nghiên cứu của luận văn*

+ Trình bày một cách khái quát bối cảnh lịch sử và những tiền đề lý luận cho sự ra đời của tư tưởng chính trị của Platon trong tác phẩm “Chính thể cộng hòa”.

+ Phân tích những nội dung chủ yếu của tư tưởng chính trị Platon trong tác phẩm đó.

+ Nhận xét về những giá trị và hạn chế của tư tưởng đó, đồng thời chỉ ra những vấn đề còn có ý nghĩa lâu dài trong thời đại ngày nay.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là học thuyết của Platon về nhà nước và đời sống chính trị - xã hội trong tác phẩm “Chính thể cộng hòa” của ông. Luận văn căn cứ trên tác phẩm đã được dịch ra tiếng Việt của dịch giả Đỗ Khánh Hoan (*Cộng hòa*, Nhà xuất bản Thế Giới, 2013) và có đối chiếu với một số bản dịch tiếng Anh của tác phẩm để hiểu một cách chính xác hơn.

## **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

*- Cơ sở lý luận của luận văn*

Luận văn được thực hiện trên nền tảng lý luận của triết học Mác- Lênin về mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, về quan hệ giai cấp, về nguồn gốc, bản chất và hình thức của nhà nước.

*- Phương pháp nghiên cứu của luận văn*

Cơ sở phương pháp luận của luận văn là phương pháp duy vật biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử. Ngoài ra luận văn còn sử dụng kết hợp phương pháp lịch sử và phương pháp lôgic, phân tích và tổng hợp, hệ thống hoá và so sánh...

### **5. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có Nội dung chính gồm 3 chương (7 tiết).

### **6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu**

Trên thế giới, các công trình nghiên cứu về lịch sử triết học nói chung trong đó có triết học Platon nói riêng tương đối nhiều, bởi lẽ, muốn xây dựng học thuyết của mình, bao giờ các nhà triết học cũng phải nghiên cứu lịch sử triết học trước đó. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu của các tác giả nước ngoài được dịch ra tiếng Việt còn quá khiêm tốn.

Trước hết có thể kể ra một số công trình nghiên cứu về triết học Hy Lạp cổ đại và triết học Platon ở Liên Xô trước đây. Aleksei Losev là người nghiên cứu một cách có hệ thống về cuộc đời và sự nghiệp sáng tạo của Platon trong lĩnh vực triết học và nghệ thuật. Tập thể các nhà triết học thuộc Viện Triết học, Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô với các công trình: "*Lịch sử triết học*" (tập 1, M., 1957) và "*Lịch sử phép biện chứng*" gồm 6 tập [41], trong đó tập I (Phép biện chứng cổ đại) chủ yếu trình bày lịch sử ra đời và phát triển của phép biện chứng cổ đại, bao gồm tư tưởng biện chứng của Platon.

Ở phương Tây, trong các công trình nghiên cứu Platon và tư tưởng

chính trị của ông tương đối nhiều và đa dạng. Trước hết là trong các bách khoa toàn thư (encyclopedia) đều có những mục nghiên cứu ít nhiều sâu sắc về triết học Platon và tư tưởng chính trị của ông, như *“Bách khoa toàn thư triết học trên internet”* (Internet Encyclopedia of Philosophy), *“Bách khoa toàn thư triết học Stanford”* (Stanford Encyclopedia of Philosophy), *“Bách khoa toàn thư Britannica”* (Encyclopaedia Britannica), *“Bách khoa mở Wikipedia”* (Wikipedia, the free Encyclopedia). Benjamin Jowett với những công trình biên dịch các tác phẩm Platon trong đó có *“Republic”* (Chính thể cộng hòa) và được công bố trên “The Internet Classics Achives”. Benjamin Jowett và M.J. Knight là chủ biên của công trình *“Platon chuyên khảo”* (Nxb Văn hóa – Thông tin dịch, 2008) [9]; Trong tác phẩm này, các tác giả trình bày tư tưởng của Platon dưới dạng các hội thoại. Samuel Enoch Stumpt với tác phẩm *“Lịch sử triết học và các luận đề”* (Nxb Lao động, 2004) [37]. Trong tác phẩm này, quan niệm của Platon được trình bày theo các chủ đề lý luận nhận thức, triết học đạo đức, triết học chính trị và vũ trụ quan.

Ở Việt Nam, ngay từ khá sớm đã có công trình *“Lịch sử triết học phương Tây”* của Đặng Thai Mai (1950) [16] trong đó có đề cập đến tư tưởng chính trị Platon. Ở miền Nam trước giải phóng đã có một số bản dịch tiếng Việt các tác phẩm Platon của Trịnh Xuân Ngạn, Trần Thái Đình, Lê Tôn Nghiêm trong đó có tác phẩm *“Cộng hòa”* do Trần Thái Đình dịch (Sài Gòn, 1963).

Ở nước ta từ khi đổi mới, việc nghiên cứu và dịch thuật các công trình về lịch sử triết học ngoài mácxít ngày càng được coi trọng. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu về lịch sử triết học Hy Lạp trong đó có triết học Platon: *“Triết học Hy Lạp cổ đại”* (1987) do Thái Ninh biên soạn [25], *“Triết học cổ đại Hy Lạp - La Mã”* (1993) do Hà Thúc Minh chủ biên [18], *“Triết học Hy Lạp cổ đại”* (1999) của Đinh Ngọc Thạch. Đối với Platon, các

tác giả phân tích một cách toàn diện trong đó có tư tưởng chính trị (học thuyết về nhà nước). Ngoài ra phải kể đến một loạt các công trình nghiên cứu về lịch sử triết học, trong đó các tác giả dành một phần quan trọng cho việc phân tích tư tưởng triết học của Platon. Đó là, “*Lịch sử triết học*” [45] do Nguyễn Hữu Vui (chủ biên); “*Lịch sử triết học*” do Bùi Thanh Quát và Vũ Tinh (chủ biên) [34], “*Lịch sử triết học phương Tây*” của Lê Tôn Nghiêm với [24]; “*Lịch sử triết học*”, tập 1, Triết học cổ đại, do Nguyễn Thế Nghĩa, Doãn Chính (chủ biên); “*Lịch sử triết học phương Tây*” của Nguyễn Tiến Dũng [2]; “*Đại cương về lịch sử triết học phương Tây*” của Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn [5]; *Lịch sử triết học Phương Tây: Từ triết học Hy Lạp cổ đại đến triết học cổ điển Đức*, của Nguyễn Tấn Hùng [7]. Trong các công trình nghiên cứu này, các tác giả có đề cập một cách khái quát các quan điểm của Platon về lý luận nhận thức, phép biện chứng, đạo đức học và chính trị học, nhưng chưa đi sâu vào một tác phẩm nào.

Ngoài những công trình đó, còn có một số công trình dịch thuật về lịch sử triết học trong đó có cả triết học của Platon như “*Tuyển tập danh tác triết học từ Platon đến Derrida*” của Forrest E. Baird. Góp vào việc nghiên cứu Platon, trong năm nay có thêm một bản dịch tác phẩm “*Cộng hoà*” của Platon của Đỗ Khánh Hoan, Nxb Tri thức (2013) [6].

Gần đây, một số học viên cao học đã chọn một số vấn đề trong tư tưởng Platon để làm đề tài nghiên cứu, như “*Quan niệm của Platon về nhà nước lý tưởng*” của Nguyễn Thị Quyết [35]; “*Tư tưởng giáo dục của Platon qua tác phẩm ‘Nền cộng hoà’*” của Phạm Bá Điền [4], Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, luận văn đã bảo vệ năm 2011 và 2012.

Nói chung, các công trình nghiên cứu về Platon ở nước ta tuy nhiều nhưng chưa có một công trình nào đi sâu phân tích, lý giải một cách khách quan, khoa học và cụ thể tư tưởng chính trị của Platon trong tác phẩm “*Chính*”

thể cộng hoà”. Các công trình nghiên cứu trong nước chủ yếu nghiên cứu các quan niệm của Platon với tư cách là những quan niệm của một nhà triết học duy tâm khách quan với thái độ chính trị của giai cấp quý tộc chủ nô, nên thái độ phê phán là chủ yếu, chưa bàn nhiều đến đóng góp của ông cho lịch sử triết học và cho sự phát triển của tư tưởng chính trị. Đó cũng là lý do nữa khiến tôi tìm đặt vấn đề hiểu sâu hơn về vấn đề này.

## **CHƯƠNG 1**

### **HOÀN CẢNH LỊCH SỬ VÀ TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN**

### **CỦA SỰ HÌNH THÀNH TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ**

### **CỦA PLATON TRONG TÁC PHẨM “CHÍNH THỂ CỘNG HÒA”**

#### **1.1. NHỮNG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ, CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

Hy Lạp là một quốc gia rộng lớn ở cực nam châu Âu với điều kiện mưa thuận gió hòa và với lợi thế các mặt gần như giáp tiếp với biển nên Hy Lạp rất thuận lợi trong việc phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, giao thông, thương mại và các ngành khoa học, làm tiền đề cho văn minh Hy Lạp ra đời.

Sau khi chế độ công xã nguyên thủy tan rã, chế độ chiếm hữu nô lệ ra đời, trong đó giai cấp chủ nô có toàn quyền, còn dân nô lệ chỉ là người phục dịch sản xuất. Đây là chế độ xã hội tàn bạo và khốc liệt nhất trong các xã hội loài người. Đồng thời, với các sự phát triển của xã hội thì nền chính trị Hy Lạp cũng bắt đầu có những xáo trộn, xã hội Hy Lạp được phân thành những khuynh hướng chính trị mâu thuẫn với nhau, tạo nên sự đấu tranh, tranh giành quyền lực của hai phái: chủ nô dân chủ và chủ nô quý tộc. Những cuộc đấu tranh này được phản ánh rõ rệt trong lịch sử triết học Hy Lạp. Ngoài sự phân chia giai cấp, trong xã hội còn có sự phân chia rõ rệt giữa lao động trí óc và lao động chân tay, xuất hiện những người chuyên tâm lao động trí óc. Sau khi chế độ đẳng cấp này ra đời, đời sống xã hội phát triển, các thành thị Hy Lạp cũng dần dần được thành lập với mục đích làm nơi điều khiển, bảo vệ những quyền lợi của giai cấp thống trị và là trung tâm văn hóa, khoa học, nghệ thuật.

Như vậy, triết học Hy Lạp phát triển trong điều kiện sự hưng thịnh của chế độ nô lệ, sự phân chia lao động giữa lao động trí óc và lao động chân tay, sự tranh giành quyền lực của các thế lực chính trị cùng với sự xuất hiện các trung tâm thành thị và sự phát triển rực rỡ của văn hóa, khoa học, nghệ thuật

và. Đây chính là điều kiện khách quan của sự xuất hiện các triết gia và trường phái triết học.

Platon sinh ra và lớn lên ở Hy Lạp cổ đại, đây là cái nôi của nền văn minh phương Tây. Sống thế nào viết thế nấy. Khi viết tác phẩm “Chính thể cộng hòa” tới Phần VIII, Platon đề cập bốn thể chế chính trị đương thời, trước hết là chế độ “vị danh” hay “tài bản” (timarcratia), chế độ quả đầu hay đầu sỏ (oligarchia), chế độ dân chủ (demokratia), chế độ độc độ tài (tyrannia). Loại xã hội thứ nhất mà Platon gọi là “vị danh” hay “tài bản” là loại ngày nay không có hình thức thực sự tương đương, vì rõ ràng ông phác tả nét cơ bản của xã hội thành quốc Sparta bấy giờ. Nhưng đối với ông Sparta quả thực quan trọng, một số nét xã hội lý tưởng của ông bắt nguồn từ đó. Xã hội đó được chia thành những đẳng cấp rõ rệt được phản ánh trong tác phẩm “Chính thể cộng hoà” của ông.

Trước hết là thành phần quý tộc quân phiệt của Sparta được gọi là *Spartiates*; họ sống kỷ luật, song tự hào là người dân Sparta làm chủ đất nước. Họ là giai cấp thống trị ở Sparta. Dưới họ là *perioikoi*, thành phần dân tự do được phép tự do làm ăn, buôn bán. Cuối cùng là *heilotes*, thành phần bị trị, nô lệ phải lao động, phục vụ, không có tư hữu và quyền lợi. Đám *heilotes* là nô lệ phục vụ cho chủ nhân *Spartiates*; họ có thể bị trưng binh phục vụ chiến tranh, trong số thỉnh thoảng có người được trả tự do, song tổng quát mà nói họ không được coi là công dân và không có quyền hoặc lợi gì hết. Giết nô lệ không bị coi sát nhân; mật vụ Sparta theo dõi thường xuyên và chặt chẽ; nếu thấy trong số có phần tử tỏ ra chống đối, bất mãn thì hạ sát tức thì không thương tiếc.

Vì là thiểu số chủ nhân sống với đa số nô lệ, luôn luôn lo sợ nổi dậy và đã có nhiều trường hợp đã xảy ra, thành phần *Spartiates* theo lối sống đặc biệt. Họ là giai tầng quân phiệt, trong đó cá nhân tuyệt đối phục tùng cộng

đồng. Mỗi công dân là một chiến binh. Giáo dục, hôn nhân, nhiều mặt sinh hoạt thường nhật áp dụng khe khắt nhằm duy trì khả năng quân sự. Trong cuốn “History of Greece” (Lịch sử Hy-lạp), J.B. Bury ghi:

“Đứa trẻ vừa ra đời liền được đem đến để trưởng tộc xem xét. Nếu trưởng tộc thấy yếu đuối hoặc bệnh tật, đứa trẻ sẽ bị đem đi để ở sườn núi cho chết. Lên bảy đứa trẻ sẽ giao cho viên chức nhà nước trông nom. Việc giáo dục hoàn toàn nhằm đào luyện đứa trẻ chịu đựng gian khổ, huấn luyện đứa trẻ tuân theo kỷ luật, nuôi dưỡng đứa trẻ có tâm hồn tin tưởng, tinh thần hy sinh vì thành quốc. Đến tuổi hai mươi tất cả trẻ trai tập dượt trong ngôi trường không lò theo mô hình quân đội. Tại đây đám trẻ thụ huấn dưới sự hướng dẫn của thanh niên tuổi từ hai mươi đến ba mươi, số này vẫn chưa tới tuổi được công nhận là công dân chính thức. Đến hai mươi tuổi đám trẻ thụ huấn quân sự và được phép lập gia đình; nhưng tất cả vẫn phải sống trong doanh trại, chỉ thỉnh thoảng lên về thăm vợ. Đến ba mươi tuổi đám trẻ trở thành công dân chính thức. Tuy có thể sống ở nhà, song tất cả vẫn phải vào doanh trại ăn tập thể, đóng góp phần ăn rút ra từ công đất mỗi dân Sparta sở hữu, công đất không được chuyển nhượng, mà do nông nô cày cấy sinh lợi”. [47, tr. 132]

“Kỷ luật cũng áp dụng với thiếu nữ. Sinh hoạt chung với thiếu niên, thiếu nữ tập thể dục. Khi tập tất cả đều ở trần, dẫu thế họ không coi là bất nhã. Họ sống lối sống cởi mở, khác hẳn với lối sống khép kín của phụ nữ thành quốc khác. Họ nổi tiếng giữ gìn trinh tiết. Tuy nhiên, nếu chính quyền chi thị sinh con cho thành quốc, họ tuân lệnh tức thì không hề thắc mắc, dù biết việc làm đó vi phạm, chà đạp tính cách thiêng liêng của liên hệ hôn phối đòi hỏi”. [47, tr. 133]

Người Sparta không được phép sở hữu của cải dưới hình thức vàng hoặc bạc, họ sử dụng tiền bằng sắt. Mọi hình thức xa hoa đều bị cấm nên cuộc sống của họ thật đơn giản. Cá nhân không có chỗ đứng trong thành quốc. Mọi



người dân không có đời tư, lợi ích riêng. Họ sống trong doanh trại theo kỷ luật nhà binh, luôn luôn sẵn sàng chiến đấu vì thành quốc. Bởi thế thuở đó mặc dù không gây hấn, dân Sparta là đội quân hùng hậu khắp Hy-lạp.

Chế độ nhà nước Sparta bao gồm vương quyền thế tập, bầu cử phổ thông, tuyển chọn pháp quan và Hội đồng trưởng lão, đặc biệt kính trọng tuổi tác và kinh nghiệm; thành viên Hội đồng là người trên sáu mươi, muốn làm vệ quốc tuổi phải năm mươi. Tổ chức thành quốc Sparta khiến nhiều người khắp Hy Lạp, trong lục địa, trên hải đảo chú ý; hoàn chỉnh và đơn giản làm nhiều người ưa thích, nhưng ít người muốn sống trong đó.

Nhận định Platon đưa ra đối với chế độ vị danh là điển hình. Ông chỉ trích tình trạng bóc lột giai cấp hạ lưu, đó là quan hệ sai trái giữa người thống trị và người bị trị, sự thế đương nhiên dẫn tới bất hòa, mâu thuẫn trầm trọng. Ông phê bình tình trạng trí thức tù túng; người thành quốc ít suy tư, đầu óc thường thiên cận. Thế chế là vậy, song họ nổi tiếng háms lợi; vì thế cơ chế tài bản bị lên án là chế độ cai trị của người giàu, bị tẩy chay trong một thành quốc lý tưởng, và là mầm mống phát triển lòng tham cá nhân. Tóm lại, xã hội Sparta và xã hội tài bản có ưu điểm là tôn trọng kỷ luật, đề cao luật pháp và can ngăn can đảm, song dần độn, tham lam, tàn bạo đối với thành phần kém may mắn. Rất có thể cũng như nhiều người Hy Lạp bấy giờ Platon có cảm tình với Sparta, song ông nhìn rõ giới hạn của thành quốc. Cơ chế Sparta không có cơ chế tương tự, trừ đảo Krete.

Khác với chế độ vị danh và tài bản ở Sparta, ba loại thế chế xã hội còn lại có tính phổ biến hơn. Thực thế, theo sử, có thể nói một cách tổng quát vào thế kỷ V và IV TrCN, các thành quốc Hy Lạp một là theo thế chế dân chủ, hai là thế chế quầ đầu (đầu sỏ), một số ít theo thế chế độc tài. Trong cuộc chiến Peloponnesos giữa thành quốc Athens và thành quốc Sparta kéo dài 27 năm, mỗi phe đều cần trợ giúp từ bên ngoài để chống lại kẻ thù. Kết quả là người

theo thể chế quả đầu ủng hộ Sparta, người theo thể chế dân chủ đứng về phe Athens. Trong Phần 8, đoạn 556e, Platon tỏ ra kinh ngạc khi thấy rằng do phe phái mà xảy ra tình trạng nhân dân bất hòa, quốc gia phân ly, máu chảy chan hòa. Sử gia Thucydides trong cuốn sử của ông, Phần II, đoạn 82, tỏ ý tương tự, song diễn tả đậm nét ngậm ngùi:

"Hai phe đều tuyên bố trong thâm tâm lúc nào cũng nghĩ tới lợi ích của thành quốc, nhưng trong thực tế cả hai chỉ nhằm nắm quyền kiểm soát chính trị, và giành giật ngõ hầu chiếm thế chủ động, thượng phong cả hai đâm mình trong cực đoan tối tệ chưa từng thấy".

Đối với Platon, trong chế độ quả đầu một thiểu số người giàu có nắm toàn quyền kiểm soát nhà nước; quyền hành và uy thế vì thế gắn liền với của cải. Thời kỳ chế độ quý tộc (aristokratia) trong đó quyền hành nằm trong tay một nhóm ưu tú đã qua rồi, mặc dù trong nhiều thành quốc vẫn còn gia đình cổ kính, như gia đình Platon ở Athens, song huyết thống phải song hành với tài sản, và huyết thống tự nó phần lớn ảnh hưởng giới hạn về mặt chính trị. Platon đặc biệt không ưa quyền hành thuộc về của cải. Ông nghi ngờ động lực tư lợi và ảnh hưởng chính trị do của cải sinh ra; Ông cho rằng trong cơ chế quả đầu, trong xã hội háms lợi, trư tài, thế nào cũng xảy ra tình trạng người giàu khai thác, bóc lột người nghèo, mức độ không thuyên giảm mà gia tăng theo thời gian, do vậy xã hội sẽ có vấn đề mâu thuẫn và bất hòa.

Bản tới chế độ dân chủ, quyền hành trong tay nhân dân, Platon rút kinh nghiệm trực tiếp từ thành quốc Athens. Trong thời đại đó, người Hy Lạp sống trong các thành quốc, cộng đồng gồm thành phố và vùng ruộng đất trồng trọt, cày cấy xung quanh, dân đồng quê sản xuất cung cấp phần lớn nhu cầu cho dân thành thị. Dân số thay đổi tùy theo diện tích và địa điểm, phần lớn không đông đúc như ngày nay.

Dân số Athens thời đó có khoảng vài trăm ngàn người gồm người tự do

và người nô lệ. Theo sử, Athens đông dân hơn hết so với các thành quốc khác. Trong số cư dân ở Athens, người nô lệ chiếm khoảng bảy, tám chục ngàn, người “ngoại nhập” hoặc “kiều cư” chiếm khoảng ba, bốn chục ngàn. Hai thành phần này không có quyền công dân, do vậy không có quyền bầu cử. Người nô lệ và phụ nữ cũng không có quyền bầu cử. Chỉ có những người đàn ông bản xứ, tự do, có ruộng đất mới có quyền bầu cử [7, tr. 27]. Họ bầu Đại Hội đồng gồm toàn nam công dân. Đại Hội đồng là cơ quan tối cao quyết định mọi việc điều hành thành quốc. Dưới Đại Hội đồng là Hội đồng điều hành gồm 500 hội viên. Hội đồng điều hành chia thành ủy ban, mỗi ủy ban gồm 50 hội viên, có nhiệm vụ hành xử công việc một phần mười thời gian trong năm. Chức năng Hội đồng điều hành quan trọng, song quyền hành trong thực tế do pháp luật quyết định: công dân rút thăm chọn người đại diện, hội viên tại chức một năm, không công dân nào là hội viên quá hai lần. Bởi thế Hội đồng điều hành không bao giờ trở thành cơ quan liên tục với chính sách riêng biệt. Đại Hội đồng là cơ quan quyền lực tối cao. Tòa án cũng do dân chúng kiểm soát. Mọi xử kiện đều diễn ra công khai trước bồi thẩm đoàn, số này hình thành qua bốc thăm và dân chúng lựa chọn; ngay cả pháp quan cũng có thể bị bồi thẩm đoàn xét xử nếu phạm luật trong khi tại chức.

Theo nhiều nhà nghiên cứu lịch sử triết học, chế độ dân chủ Athens có từ 500 năm trước Công nguyên (TrCN), là chế độ dân chủ đầu tiên của thế giới. T.Z. Lavine trong “Từ Socrates đến Sartre: sự tìm kiếm triết học” đã coi chế độ dân chủ Athens là kiểu mẫu và lý tưởng của thế giới phương Tây [49, tr. 10].

Chế độ dân chủ Athens tuy vậy cũng bị nhiều người không tán thành. Thucydides nhận xét chế độ dân chủ Athens là: “Cơ chế trao việc điều hành quốc sự cho đám đông mặc sức thao túng”. Platon cũng tỏ ý không ưa. Theo ông, đối với vấn đề chính trị, dân chúng thường nhận định non sót, thiếu sót,

sai lầm. Hơn thế dân chúng không có kinh nghiệm hoặc hiểu biết về ngoại giao, kinh tế, quân sự, văn hóa, khoa học. Dân chúng nhận xét theo cảm tính hoặc thành kiến. Do vậy, lựa chọn không xác đáng, kết quả lợi ít hại nhiều.

Vì những lý do trên, chế độ dân chủ thường mở đường cho sự xuất hiện của những chính khách *thủ đoạn*. Để bảo vệ địa vị, có lẽ cả lợi lộc của họ, các chính khách thường tìm đủ cách thỏa mãn dân chúng bằng việc sử dụng phương tiện ma giáo như thuyết giảng, tuyên truyền. Chỉ nhằm mua chuộc cảm tình, bất kể ước muốn đúng hay sai, chính khách không bao giờ đã động sự thật trần trụi hoặc đưa ra chính sách khiến dân chúng khó chịu. Theo Platon, chế độ dân chủ còn chứa trong nó đặc tính khiến quần chúng mê say và tự hào: *tự do*. Chế độ dân chủ cho phép cá nhân được tự do muốn làm gì thì làm, vì thế dân chúng thường tỏ ra không chịu ép mình trong tổ chức bất kể chính trị, tôn giáo, giáo dục hay đạo đức. Bên cạnh tình trạng chênh lệch giàu nghèo một cách khác thường, xã hội biến thành đấu trường âm thầm, quyết liệt, giành giật miếng ăn hàng ngày. Về mặt đạo đức chế độ này dẫn tới buông thả. Platon miêu tả xã hội đó khá sinh động trong Phần 8 tác phẩm, đoạn 562a-564e.

Thế chế sau cùng là chế độ độc tài. Platon nhận định thế chế này xuất phát từ tình trạng hỗn loạn, chia rẽ khi thế chế dân chủ bắt đầu băng hoại. Tuy thế, ông không nghĩ đó là quy luật tất yếu, bởi lịch sử xưa nay cho thấy vẫn có nhà độc tài ích quốc lợi dân. Theo Platon, thế chế độc tài căn bản là chế độ cai trị có tính cách cá nhân. Thoạt đầu nhà độc tài cần vệ sĩ, đội quân bảo vệ gắn liền với mình về quyền lợi cũng như tội ác. Nhà độc tài là lãnh tụ, cơ bản là thực hiện sở thích cá nhân, chính sách độc đoán của một cá nhân. Nhà độc tài không chấp nhận đối thủ; Cá nhân nào vượt lên trên mình thì trước sau cũng phải bị trừ khử; cá nhân nào có thể hoặc sẽ đương đầu với mình sẽ bị loại bỏ. Nhà độc tài thường xuyên nghi ngờ, gây thù hận, cần chiến tranh, biến động

bên ngoài để dân chúng bên trong không chú ý sai lầm mình vấp phải, tội ác mình gây ra. Nhà độc tài về cơ bản có thể gọi là tội phạm. Mở đầu Phần IX, đoạn 571a, Platon phân tích nét tương đồng giữa nhà độc tài và tên tội phạm, là sự kết hợp giữa bản tính hiếu dục điên cuồng với sự ham mê làm chủ, nhà độc tài thường không lành mạnh, đời người này là cuộc đời đắm chìm trong tội ác.

Phân tích hình thái xã hội đương thời, Platon nhìn thấy những tai họa cần phải tìm cách sửa đổi. Ông thấy *chế độ vị danh* có hai cái xấu: cái xấu thứ nhất là sự chia rẽ xã hội do bộ phận này khai thác, sử dụng quyền lực đè nén bộ kia; cái xấu thứ hai là thiếu sáng suốt. *Chế độ quá đầu* có cái xấu cơ bản là ham mê của cải. Bởi vì một khi địa vị và quyền hành gắn liền với tiền bạc, nếu cầm quyền, thay vì cai trị, người cầm quyền sẽ khai thác, trục lợi. *Chế độ dân chủ* thiếu liên kết về mặt chính trị hay đạo đức, người đại diện và điều hành không được tôn trọng đúng mức. Chính quyền dân chủ thường thụ động thỏa hiệp, thay vì chủ động điều khiển, lãnh đạo lại mềm dẻo nhằm đáp ứng đòi hỏi của quần chúng, do vậy dẫn tới phân chia giai cấp, phân hóa giàu nghèo. *Chế độ độc tài* mang trong nó cái nguy hại: Bản năng hung bạo, độc ác không được kiềm chế sẽ tự do phát triển. Tội phạm xuất hiện không những trong phạm vi xã hội mà còn xuất hiện trong mỗi con người, do thành phần tội phạm điều khiển, đứng đầu là ma vương chính công.

Ngoài những điều kiện về kinh tế, chính trị, Hy Lạp cổ đại đã sớm có một nền khoa học và văn hóa phát triển rực rỡ ở nhiều phương diện. Trước Platon đã xuất hiện nhiều nhà toán học, vật lý học, thiên văn học. Platon là người sáng lập Học viện hay Viện Hàn lâm (academia) ở Athens, được coi là trường đại học đầu tiên của thế giới phương Tây. Vì Hy Lạp đã xây dựng được một nền văn hóa rực rỡ sớm nhất nhân loại đến mức vào cuối thế kỷ II TrCN, Đế quốc La Mã tuy đã chiếm được Hy Lạp nhưng sau đó lại bị Hy Lạp

đồng hóa về mặt văn hóa, đây cũng là cơ sở cấu thành nên tồn tại xã hội quyết định đến ý thức xã hội trong giai đoạn này.

## 1.2. NHỮNG TIỀN ĐỀ LÝ LUẬN

Cơ sở lý luận cho sự ra đời tư tưởng triết học chính trị của Platon là sự thể hiện cách giải quyết duy tâm chủ nghĩa các vấn đề xã hội. Dựa trên cơ sở và nền tảng là *học thuyết ý niệm và học thuyết linh hồn*, ông đã xây dựng nên mô hình “nhà nước lý tưởng” với nhiều kiến giải mang tính duy tâm thần bí. Tuy nhiên, tư tưởng về việc xây dựng một mô hình nhà nước lý tưởng đã mở đầu cho việc triết học tham gia vào giải quyết các vấn đề xã hội và là một đóng góp của Platon trong lĩnh vực tư tưởng.

Về học thuyết ý niệm: Platon là nhà triết học duy tâm khách quan, ông cho rằng ý niệm là cái tồn tại trước, là nguyên mẫu còn sự vật, hiện tượng của thế giới là cái có sau, là bản sao của ý niệm. Từ điểm xuất phát này, Platon đã xây dựng nên toàn bộ hệ thống triết học của mình. Về học thuyết linh hồn (hay tâm hồn) theo Platon: linh hồn con người do thượng đế tạo ra, linh hồn mang bản chất vô hình, phi vật chất, siêu trần thế. Linh hồn bao gồm ba bộ phận: linh hồn lý trí, linh hồn dũng cảm, linh hồn dục vọng. Ba bộ phận này luôn thống nhất với nhau, trong đó bộ phận linh hồn lý trí nắm quyền điều khiển và bắt tữ, hai bộ phận còn lại chịu sự điều khiển của linh hồn lý trí và chết cùng với thể xác. Platon cũng cho rằng linh hồn trước khi nhập vào thể xác, bộ phận linh hồn lý trí đã nhận thức được ý niệm và chân lý, nhưng khi nhập vào thể xác nó sẽ quên hết những gì nó đã chiêm nghiệm trước đây, song linh hồn lý trí lại có khả năng *hồi tưởng* lại những gì đã biết. Từ cấu trúc ba bộ phận của linh hồn này Platon đã xây dựng ba tầng lớp của xã hội đó là tầng lớp nhà cai trị, những người lính và tầng lớp nông dân, thợ thủ công.

Như chúng ta được biết, trước Socrates, các triết gia cổ đại Hy Lạp chỉ chuyên nghiên cứu về những vấn đề tự nhiên, nguồn gốc của vạn vật vũ trụ

mà chưa mấy quan tâm tới vấn đề cuộc sống xã hội loài người. Thỉnh thoảng ta mới bắt gặp một vài khái niệm về chính trị xã hội. Chỉ từ Socrates trở về sau, nền triết học Hy Lạp mới thực sự nghiên cứu về loài người trong đó có những vấn đề về triết học chính trị. Tuy nhiên, ta hãy nghe những triết gia đó nói như thế nào về triết học chính trị.

Trước hết là *tư tưởng của Heraclitos* (530 – 470 TrCN) “Đấu tranh là nguồn gốc của sự hiện hữu và khởi nguyên của sự sống và tồn tại”. [2, tr. 31] Ông cho rằng đấu tranh là điều kiện để hài hòa. Chiến tranh phân hóa xã hội là cho người này thành thế này, người kia thành thế kia. Thông qua đấu tranh, bản chất của sự vật được bộc lộ và nhờ đó con người mới nhận chân được sự vật. Về chính trị xã hội ông đứng trên lập trường của chủ nô quý tộc mà chống đối quyết liệt tầng lớp chủ nô dân chủ. Ông cũng tỏ ra khinh miệt tầng lớp quần chúng và yêu cầu đàn áp triệt để bất cứ cuộc khởi nghĩa nào của quần chúng nhân dân. Ông đề cao vai trò của cá nhân xuất sắc, đối với ông, một người ưu tú thì hơn cả vạn người bình thường.

*Tư tưởng triết học của Pythagoras* (571- 497 TrCN). Bản chất của trường phái do Pythagoras sáng lập không chỉ là triết học mà là một tổ chức chính trị. Cũng giống như Heraclitos, ông chủ trương chống đối phái chủ nô dân chủ. Ông thành lập một tổ chức chính trị và triết học để kêu gọi đấu tranh giành lại chính quyền bị phái dân chủ chiếm đoạt. Pythagoras có ảnh hưởng đến Platon không chỉ ở quan niệm thần bí về linh hồn mà còn ở cách tổ chức một cộng đồng xã hội chặt chẽ [7, tr. 38].

*Tư tưởng chính trị của Democritos*. Democritos (460 - 370 TrCN) cho sự phát triển của xã hội thông qua nhu cầu sinh tồn của con người. Tuy nhiên, ông không cho nhu cầu là động lực phát triển xã hội mà chỉ là động lực để sản xuất. Về chính trị thì ông lại đối lập với hai nhà triết gia với nghĩa chống phái chủ nô quý tộc mà ủng hộ phái chủ nô dân chủ, bởi theo ông, như vậy là bảo

vệ quyền lợi về kinh tế gắn liền với sự phát triển công nghiệp, thương mại. Ông cũng ca ngợi tính ôn hòa, tinh thân ái và bảo vệ quyền lợi, lợi ích của tầng lớp dân tự do.

“Một cuộc sống được gọi là hạnh phúc khi mình cảm thấy được tự do trong chế độ dân chủ, ngược lại nếu giàu có mà sống trong chế độ quân chủ cũng như không” [24, tr. 169]

*Tư tưởng của Socrates* (469- 399 TrCN). Có thể nói Socrates là người có ảnh hưởng lớn đến cả cuộc đời và tư tưởng của Platon. Từ những vấn đề học hỏi cho đến cái chết bất công của Socrates đã hình thành nên tư tưởng triết học chính trị của ông. Thực ra Socrates cũng giống như những triết gia trước, không có đề cập gì nhiều đến vấn đề chính trị xã hội mà chỉ nói đến đạo đức và lí trí. Ông nói:

“Một xã hội sáng suốt là một xã hội mà trong đó người dân cảm thấy được hưởng quyền lợi thì nhiều, mà bị hạn chế tự do thì ít. Trong xã hội ấy, ăn ngay ở thẳng là giữ đúng quyền lợi và nghĩa vụ mình và an ninh trật tự cũng như thiện chí trong xã hội”. [3, tr.19]

Về phần chính quyền theo ông, là tầng lớp lãnh đạo thì phải lo an dân, chăm sóc đời sống và bảo vệ họ, còn ngược lại thì chỉ là một nhóm ô hợp hỗn độn và không xứng đáng. Do vậy ông chủ trương chống chế độ dân chủ và ủng hộ chế độ quý tộc và đó là lý do mà ông đã bị nhà nước dân chủ Athens kết án tử hình. Để xây dựng một xã hội lớn mạnh tốt đẹp thì mọi người phải nhận thức được đâu là quyền lợi chính đáng, thấu triệt được luật nhân quả, kiểm soát được lòng ham muốn và chịu trách nhiệm đối với bản thân mình (cái chết của ông là một lời khẳng định về tính trách nhiệm đó) để khỏi cảnh hỗn độn tự diệt và đi đến một xã hội kỷ cương. Và tất nhiên, con người phải luôn cố gắng học hỏi và phát triển trí tuệ để ngăn ngừa những tham vọng, si mê bởi tất cả tội lỗi từ vô minh.



### 1.3. PLA TON: CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP

#### 1.3.1. Cuộc đời Platon



Platon (tiếng Hy Lạp: Πλάτων đọc là *Platôn*, tiếng Anh: *Plato*; tiếng Pháp: *Platon* đọc là *Platông*) sinh khoảng năm 424 (có tài liệu: 428 TrCN trong một gia đình quý tộc ở Athens, qua đời khoảng năm 348 (hoặc 347) TrCN, là một nhà triết học Hy Lạp xuất sắc, một môn đệ của Xôcrat (Socrates), người thầy của Arixtôt (Aristoteles) và là người sáng lập Học viện hay còn gọi là Viện Hàn lâm (Academia) ở Athens năm 387 TrCN, được phương Tây coi là trường đại học đầu tiên.

“Nếu ai đạt được danh hiệu là người thầy của nhân loại thì người đó là Platon”. [2, tr.107].

Năm sinh và nơi sinh của Platon được sử sách ghi khác nhau: 430, 428 hoặc 427 trước Công nguyên (TrCN); nơi sinh là Athens hoặc đảo Aegina, năm mất 348 hoặc 347 TrCN. Như vậy là ông sống thọ, 80 hoặc 83 tuổi mới qua đời. Nếu lấy năm 430 là năm sinh, ông ra đời 121 năm sau Khổng Tử (551-479 TrCN). Nếu lấy năm 428 làm năm sinh, ông chào đời 135 năm sau Thích ca Mâu ni (563-483 TrCN). Nếu lấy năm 427 làm năm sinh, ông vào đời 424 năm trước Giê-xu Ki-tô và khoảng 4 năm sau cuộc chiến Peloponnesos (431-404 TrCN).

Nét đặc biệt mà người đời sau biết về triết gia này là *mắt sáng, vai rộng, cao lớn, khỏe mạnh, đầu óc phi thường, lối sống thanh tao, văn gia bút pháp uyển chuyển, đa dạng*, từ lúc trẻ mang biệt danh Platon (người có vai rộng). Tên thực của ông là Aristocles, giống tên ông nội, nếu vậy theo phong tục xứ sở là con trưởng và cháu đích tôn. Nhưng sự thật có phải hoàn toàn

như thế hay không người sau cũng thực tình không rõ! Là con ông Ariston, cháu ông Aristocles, Platon có hai anh trai, một em gái. Người sau không biết gì về gia đình bên nội, trừ một số thân nhân bên ngoại. Thân mẫu Platon có nữ danh là Perictione thuộc dòng dõi quý tộc, trong đó nổi tiếng là Solon (638-558 TrCN) pháp quan Athens. Em họ bà Perictione là Critias, thủ lĩnh nhóm “Ba mươi bạo chúa”; em trai bà là Charmides cũng hăng say tham gia chính trị với nhóm “Ba mươi bạo chúa”, song thất bại thảm hại. Anh trai của Platon là Adeimantus và Glaucon, hai người được lấy làm nhân vật trong nhiều đối thoại của Platon. Cháu Platon có Charmides. Speusippus (con của người em gái Platon) là những người kế vị Platon điều hành Học viện. Sau khi thân phụ qua đời, lúc Platon còn rất nhỏ, thân mẫu tái giá với ông Pyrilampes và sinh người con trai tên Antiphone, em cùng mẹ khác cha với Platon. Tuy Platon có liên hệ mật thiết với tầng lớp quý tộc Athens nhưng mối liên hệ không khiến đầu óc ông trở nên hẹp hòi, thiên cận, trái lại ông vẫn giữ thái độ cơ bản của người trí thức: ngay thẳng, khách quan trong lối sống cũng như trong sáng tác.

Theo nhận định chung của các nhà nghiên cứu lịch sử triết học từ trước tới nay, những sự kiện kể trên tuy có thể coi là xác đáng cũng chỉ đủ cấu thành nét phác tả tổng quát sơ sài, không đủ để minh định một cách chắc chắn. Những đối thoại của ông, mặc dù cảnh trí đặt ở thời đại ông sống, người tham dự là nhân vật nổi tiếng, kể cả những người anh của ông, cũng không đóng góp gì vào việc làm rõ hơn bức tranh tiểu sử. Còn những lá thư mà nội dung có liên quan đến cuộc đời Platon thì phần nhiều bị một số nhà nghiên cứu trước đây cho là giả mạo hoặc do đệ tử ông viết. Ngược lại, George Grote một nhà nghiên cứu thế kỷ XIX trong *“Platon và những người bạn đồng hành khác của Socrates” (Platon and the Other Companions of Socrates)* (gồm 3 tập, tập I xuất bản 1867) đã không ngần ngại đưa số thư đó vào sáng tác của

Platon. Với biện luận vững chắc, Grote đã thuyết phục nhiều nhà nghiên cứu khác chấp nhận.

Platon lớn lên cùng diễn biến lịch sử của nước nhà: sau cuộc chiến Peloponnesos (431-404), thành quốc Athens bị Sparta thôn tính; tiếp theo là cuộc cai trị ngắn ngủi của nhóm “Ba mươi bạo chúa” đứng đầu là Critias (cậu Platon) và Theramenes. Chính quyền chuyên chế của nhóm này bị Thrasybulus lật đổ, chế độ dân chủ ngày trước tái lập. Năm 399 TrCN diễn ra vụ xử gây chấn động dư luận cả lục địa lẫn quần đảo, Hội đồng Athens kết án tử hình Socrates vì tội phi báng thần linh, đầu độc tuổi trẻ.

Sau trận Mantinea, lịch sử Hy Lạp lại thay đổi, vua Philip (382-336 TrCN) vùng Macedonia, mạn nam bán đảo Balkan dần dần ngoi lên chói lọi trên chính trường. Trong vòng hơn một năm trước khi băng hà, do tiêu diệt phe Phocion, Philip nắm quyền bá chủ Hy Lạp.

Sống trong thời đại như thế Platon đã chứng kiến liên tục chính sự phát triển, suy đồi, sụp đổ dưới nhiều hình thức và màu sắc. Nhờ có cơ hội quan sát, đầu óc nhận định, ông làm cảnh đó sống lại khá phong phú trong tác phẩm “Chính thể cộng Hòa”. Tuy thế, trong thâm tâm ông không cảm thấy thích hợp với cuộc đời chính trị. Tuy ông có nhiều lợi thế mà thanh niên cùng trang lứa không có, như con nhà giàu có, gia đình quý tộc, dòng họ quyền thế, thân thể cường tráng, tiếp thu đầy đủ giáo dục thời đại, nhưng người đời sau không hề nghe nói ông có ý định dẫn thân bước lên vũ đài chính trị ngoài lời lẽ bày tỏ trong lá thư thứ bảy.

Trong thư này, Platon cho biết ông được thân nhân và thân hữu trong nhóm “Ba mươi bạo chúa” mời tham dự chính trường, điều hành quốc sự, ông muốn nhập bọn để khỏi phụ lòng mong mỏi; nhưng khi thấy nhóm vẫn duy trì tình trạng bất công, tàn bạo, thất đức, nhất là khi chứng kiến nhóm tìm cách, song không thành công, ép buộc Socrates bức hại một công dân. Cảm thấy hụt

hăng, ngán ngẩm, ông nhất định quay lại cuộc đời bình thường. Khi cơ chế dân chủ tái lập, ông cũng có ước muốn tương tự, dấn thân vào chính sự phục vụ thành quốc, song lại chứng kiến các sự việc thô bạo diễn ra tràn lan, và cuối cùng bản án bất nhân kết liễu đời Socrates. Hầu như tuyệt vọng, ông quyết định vĩnh biệt chính trị.

Triết gia tên tuổi dạy dứt khôn nguôi với hai xúc động vừa kể, kết quả dẫn tới thái độ cự tuyệt đối với chính trị, và thái độ đó đã đặc biệt ảnh hưởng triền miên đến tâm trí Platon. Lúc Socrates qua đời lúc Platon 28 tuổi. Hai người đã sống gần gũi, thân thiết với nhau, liên hệ giữa họ không những là liên hệ thân hữu mà còn là liên hệ thầy trò. Người sau không có chứng tích ghi lại đặc tính hoặc nội dung mối liên hệ cụ thể, nhưng những sáng tác của Platon cho thấy toàn bộ cuộc đời tiếp theo của ông đã do liên hệ đó cấu thành. Hình ảnh sư phụ không bao giờ phai mờ trong tâm trí của ông. Vừa tự do với mình, vừa trung thành với thầy, pha trộn hai cảm xúc thành nhận thức tổng hợp, ông sử dụng Socrates trong các đối thoại như người diễn đạt quan điểm của ông. Dù suy tư của mình có cách xa suy nghiệm quen thuộc của Socrates, Platon vẫn vững tin ông trung thành bước theo nguyên tắc hoặc phương pháp Socrates đã giảng dạy và sử dụng để diễn giải.

Sau khi Socrates vĩnh biệt cõi đời năm 339 TrCN, Platon lui về sống ở Megara, thành phố trong vùng Megaris nằm giữa vịnh Corinth và vịnh Saronic còn gọi là vịnh Aegina gặp gỡ thân hữu từng theo học Socrates. Người sau không rõ ông lưu lại đó bao lâu, song nghe nói suốt khoảng thời gian sau khi Socrates qua đời, ông đi chu du nhiều nơi, xuôi nam tới thành phố Cyrene trong vùng Cyrenaica thuộc địa Bắc Phi diện kiến nhà toán học Eudoxus, sang đông tới Ai-cập, qua tây đến Italia và đảo Sicily thăm viếng triết phái Pythagoras. Trong khi ở đảo Sicily, Platon đến thành phố Syracuse, ông tiếp xúc ngay với Dion, em vợ Dionysius, và có lẽ với cả đương kim bạo

chúa Dionysius I đang ở cực đỉnh quyền thế. Trong lá thư thứ bảy (327a), Platon kể lại cuộc gặp gỡ và ấn tượng đối với người thanh niên này, nhưng không hiểu vì sao và do đâu, khi quan hệ giữa đôi bên căng thẳng, bạo chúa trẻ tuổi lại kiếm cớ đưa ông lên thuyền đem đến đảo Aegina bán làm nô lệ. Nhưng đến nơi Platon được người quen bỏ tiền ra chuộc, nhờ thế thoát hiểm và trở về Athens.

Định cư ở Athens, năm 387 TrCN Platon thành lập *Học viện* (Academia, dịch là Học viện hay viện Hàn lâm) nhằm truyền bá khoa học và triết học trong khu rừng ven biên thành phố. Từ đó trở đi ông êm ả theo đuổi sự nghiệp, trừ hai lần gián đoạn đáng kể, trong tư thế vị thầy khả kính, lừng danh, thời gian kéo dài khoảng 40 năm. Cũng như Socrates, dạy học ông không lấy tiền, và khi dạy ông thường thể hiện qua đối thoại, đàm đạo. Tiếng thơm lan tràn hầu như khắp Địa trung hải, Tiểu Á, Bắc Phi, vượt xa, ắt hẳn nhiều triết gia đương thời; ông thu hút nhiều đệ tử; thanh niên từ nhiều nơi, nhiều đảo ùn ùn kéo tới hy vọng thọ giáo, trong số nổi tiếng hơn hết sau này trở thành đối thủ đáng gờm trong làng triết học là Arixtôt (Aristoteles) từ Macedonia xuống, thân phụ là ngự y cho đương kim quân vương, mới mười tám xin thụ huấn, sống ở đó hai mươi năm liền tới khi Platon qua đời.

Khi Dionysius I qua đời, Dionysius II lên nối ngôi, Platon cũng không ngần ngại thăm viếng Syracuse với ý định giúp Dionysius II trong chuyện chính sự và cũng nhằm giành lấy cơ hội thực hiện quan điểm lý tưởng chính trị của mình. Chuyện viếng thăm lần này kể tỉ mỉ trong lá thư thứ bảy. Chuyến đi không thành công vì Platon tỏ ra không mặn nồng với việc điều hành quốc sự của Dionysius II. Sau ít lâu, mặc dù không bị đối xử tàn tệ, Platon trở về Athens. Dẫu vậy ông vẫn lại thăm Dionysius lần nữa, nhưng ông lại thất vọng. Phần đời còn lại Platon dành cho việc sáng tác, và tiếp tục giảng dạy triết học ở Học viện cho môn sinh bốn phương. Ông qua đời không rõ

năm 348 hay năm 347 TrCN. Theo sử gia Pausanias, Platon được mai táng bên cạnh Học viện.

### 1.3.2. Sự nghiệp của Platon

Phần lớn các sáng tác của Platon đều có hình thức *đối thoại*. Với một số lượng sáng tác đồ sộ gồm khoảng 35 - 36 tập đối thoại (tuy nhiên chỉ có khoảng 25 đối thoại được khẳng định là chân thực của Platon) và một số thư, các công trình này đã đưa tên tuổi của Platon lên hàng những người nổi tiếng bậc nhất trong lịch sử nhân loại, nhất là trong lịch sử tư tưởng phương Tây. Tuy vậy người sau lại biết rất ít về ông, ngay cả trong nước Hy Lạp, quê hương ông, biết rất ít một cách kỳ lạ so với những gì người sau hy vọng muốn biết. Khi tìm hiểu cuộc đời của bông hoa ngát hương trong vườn triết học, người sau chỉ biết ông sống trong giai đoạn lịch sử đặc biệt, liên hệ tới biến cố và nhân vật người sau biết qua kho tàng tài liệu phong phú khác thường: sinh thời ông nổi tiếng, ông lập trường dạy học, ông đi du thuyết, ông sống khá lâu, ông viết rất nhiều, sáng tác truyền lại đều ở tình trạng hoàn hảo khiến người sau nghĩ toàn bộ đã được bảo tồn cẩn thận ngay từ đầu. Tuy nhiên, người đời sau lại không tìm thấy liên hệ giữa tác phẩm với cuộc đời của tác giả vì trong các sáng tác của mình, Platon không đã động gì đến bản thân.

Sự nghiệp dài lâu, song người sau không rõ Platon bắt đầu từ bao giờ, chỉ biết một số tác phẩm có lẽ viết không lâu sau khi Socrates vĩnh biệt cõi đời. Tác phẩm "*Biện giải*" (Apologia) nhằm tường thuật lời lẽ Socrates biện hộ trước tòa nhằm bảo vệ danh dự và tính mệnh bản thân, chắc hẳn sáng tác không lâu sau phiên xử. Ngoài "*Biện giải*" (nội dung không hề là lời tạ lỗi) và một số thư từ, những tác phẩm của Platon đều thể hiện dưới hình thức *đối thoại*. Phần lớn đối thoại chia làm ba nhóm: đối thoại có tính luận thuyết chính trị, đối thoại có tính cách lô-gích và phương pháp và đối thoại về đạo đức.

Biện luận về chính trị, Platon viết các tập đối thoại: “Chính thể cộng hòa”, “Chính khách”, “Luật pháp”. Trong “Chính thể cộng hòa”, Socrates là nhân vật chính lèo lái cuộc đàm đạo, người tham dự gồm già trẻ lắng nghe, trao đổi ý kiến. Trong “Chính khách” ông xuất hiện ngắn ngủi giới thiệu cuộc thảo luận rồi rút lui. Trong “Luật pháp” ông hoàn toàn vắng mặt.

Trong các đối thoại có tính cách lô-gích & phương pháp có: “Cratylus” biện luận tính cách đích xác của tên gọi, “Euthydemus” đề cập tranh luận lừa phỉnh cùng tình trạng khả dĩ dẫn tới lừa dối. “Sophist” bàn tới bản chất không hiện hữu và tình trạng khả dĩ đối trá. “Theaetetus” khai triển sự thật và hiểu biết, “Parmenides” đi vào triết học và phép biện chứng. Nhiều đối thoại phối hợp tìm hiểu triết học và phương pháp triết học: Phaedo, Symposium, Sophist, Phaedrus, Timaeus, Philebus.

Các đối thoại về đạo đức có: “Euthyphro” (mộ đạo, hiểu thảo), “Charmides” (tiết độ), “Lysis” (tình bạn), “Meno”, “Protagoras” (đạo đức), “Laches” (can đảm), “Hippias Lớn” (cái đẹp), “Hippias Nhỏ” (cái già), “Philebus” (cái tốt).

Học giả phương Tây đã bỏ nhiều công sức và thời gian thiết lập thứ tự sáng tác các đối thoại. Từ xưa qua nhiều thế kỷ, các học giới phương Tây đã xác định “Luật pháp” là tác phẩm dở dang Platon chưa hoàn tất thì qua đời. Một số đối thoại dường như tiếp nối đối thoại đã xuất hiện trước đó cho thấy sáng tác có thứ tự hẳn hoi. Ngoài chi dấu như thế, các học giả về sau chỉ còn biết căn cứ vào thời điểm tương đối dành cho “Biện giải”, nét tương đồng và khác biệt giữa các sáng tác theo hình thức, nội dung, chi tiết về văn phong và từ ngữ sử dụng để sắp xếp các tác phẩm. Thứ tự các sáng tác xem ra có vẻ quan trọng vì nó liên hệ tới vấn đề phát triển tư tưởng của Platon.

Về trình tự thời gian, các tập đối thoại của Platon thường được chia ra thành ba thời kỳ: đầu, giữa và cuối. Những tập đối thoại thời kỳ đầu trình bày

ý định của Platon muốn truyền đạt tư tưởng triết học và phong cách biện chứng của Socrates. Các tập đối thoại thời kỳ giữa và cuối phản ánh sự phát triển tư tưởng triết học của chính Platon. Các trước tác thời kỳ giữa bao gồm tập *Phaedon* (nói về quang cảnh cái chết của Socrates, trình bày học thuyết về ý niệm, về bản chất của linh hồn và về vấn đề sự bất tử); tập *Hội thảo* là thành tích nổi bật về kịch của Platon, trong đó có nhiều phát biểu về cái đẹp và tình yêu. Socrates trong lời phát biểu của mình đã khẳng định mục đích cao nhất của tình yêu là trở thành nhà triết học, theo nghĩa đen, một người yêu mến sự thông thái. *Chính thể cộng hoà* là tập đối thoại trong thời kỳ này. Các tập đối thoại thời kỳ cuối bao gồm: *Theaetetus* (phủ nhận việc đồng nhất tri thức với tri giác cảm tính); *Parmenides* (sự đánh giá có phê phán về học thuyết ý niệm); *Sophist* (tiếp tục xem xét học thuyết về ý niệm), *Philebus* (thảo luận về mối quan hệ giữa khoái lạc và cái thiện); *Timaeus* (trình bày quan điểm của Platon về khoa học tự nhiên và vũ trụ quan); *Luật pháp* (phân tích hơn nữa về mặt thực tiễn các vấn đề chính trị và xã hội [7, 133-134])

Theo dịch giả Đỗ Khánh Hoan, các các đối thoại (dialogue) được Platon sáng tác cách đây hai ngàn bốn trăm năm đã có ảnh hưởng lớn lao đến tư tưởng Tây Phương thời xưa, thời Trung cổ, thời Phục hưng và cả thời hiện đại. Các sáng tác đó được ca ngợi là nền tảng của tư tưởng Tây Âu, chất liệu điều hòa tình trạng quá độ trong tâm trí con người, đường thẳng xác định nhãn quan thế giới từ trước hoặc từ đó tới giờ chưa hề được phác họa, miêu tả trong triết học, chính trị, luận lý và tâm lý. Ngược lại, các đối thoại cũng bị nhiều người chỉ trích gay gắt. Có người cho rằng đối thoại trường giả về chính trị và huyền bí về triết học.

Tuy nhiên, giữa hai khuynh hướng đối chọi, có người thận trọng, khách quan sau khi đọc nhận thấy đối thoại có ma lực đề xướng, thôi thúc tưởng tượng và suy tư. Nhiều dây dợ đan kết trong đối thoại, song ở trung tâm giữ



vai trò ý nghĩa theo nhận thức của người Hy Lạp, Thiên đạo (logos, căn nguyên của tư tưởng, nguyên lý điều hành, phát triển vũ trụ) là thiên nhiên lèo lái mọi sự vật từ bên trong. Tiếp cận như thế thiên nhiên không phải siêu việt, vô hình và cũng không phải trần tục, hữu hình; thiên nhiên là tổng thể hữu cơ, con người không ở ngoài mà ở trong thiên nhiên. Bám chặt quan điểm cùng ý nghĩa quan điểm hàm ngụ, tư tưởng và nghệ thuật Hy Lạp đạt mức minh bạch chưa từng thấy ở bất kể nơi nào, người phôi diễn chính yếu là Platon. Qua sử sách miêu tả, trình bày ta thấy Platon là người kinh điển, người dệt giấc mơ lý tưởng; và sử sách cũng nói ông là người hiểu rộng biết nhiều về thế giới, không phải là triết gia tháp ngà ngụp lặn, chìm đắm trong rừng già sách vở. Ta còn biết ông là người học thức uyên thâm theo sát sinh hoạt trí thức đương thời. Dẫn chứng thi văn và bóng gió hàm ngụ trong đối thoại chứng tỏ ông theo dõi văn chương sát nút. Đời ông kéo dài từ cuộc chiến Peloponnesos giữa Athens và Sparta (431), qua ngày Pericles thủ lĩnh thành quốc Athens lia đời (429), tới khi Philip quân vương Macedonia hạ thành Olynthus (348).

Vấn đề rộng lớn là phải chăng về cuối đời Platon phủ nhận học thuyết Platon, triết thuyết lừng danh gắn liền với tên tuổi ông. Trong nhiều đối thoại, kể cả “Chính thể cộng hòa”, ông đề nghị phân biệt dứt khoát thế giới hữu hình gồm sự vật cụ thể với thế giới vô hình, song minh bạch gồm thực thể trừu tượng, không lầm lẫn thế giới cảm tính với thế giới lý tính. Tư tưởng trở nên phổ quát và được coi như triết thuyết về hình dạng. Trong số các thực thể trừu tượng là hình dạng hình học, con số toán học, đặc tính đạo đức đã là đề tài Socrates thảo luận trong các cuộc đàm đạo.

Công trình giảng dạy và sáng tác Platon thực hiện ở Học viện hai lần gián đoạn do cố gắng bất thành thực hiện lý tưởng trình bày trong tác phẩm “Chính thể cộng hòa”, khai sinh thể chế dưới quyền lãnh đạo của quốc vương là triết gia. Hai lần ông qua Sicily giáo dục bạo chúa trẻ tuổi Dionysius II nổi

ngôi bạo chúa già nua Dionysius I. Thân hữu tâm giao Dion cho ông hay thanh niên cầm quyền hiện tại là cháu gọi bằng cậu có ý định và sở thích trở thành triết gia, như vậy là muốn phối hợp kiến thức với quyền bính. Sự thể nghe hợp lý, ông nghĩ đó là đường lối duy nhất cứu vớt quốc gia. Không ngờ cuộc ra đi thất bại. Dionysius có vẻ hậm hực, Dion chịu cảnh phát vãng, ông mang nỗi bực dọc. Nhiều năm sau đó, do Dionysius yêu cầu, ông lại qua Sicily. Chuyến thăm lần này kết thúc thảm hại, kết quả dẫn tới nội chiến giữa lực lượng theo Dion và lực lượng theo Dionysius. Ông trở về Học Viện, từ đó cắt đứt mọi quan hệ với chính trị.

Sau khi Platon qua đời việc điều hành Học viện trao cho nhà toán học Speusippus, cháu ông. Tiếp tục sự nghiệp cao cả như trung tâm giáo hóa và nghiên cứu mãi tới năm 529 sau CN mới ngừng hoạt động, do Hoàng đế Lamã Justinian (483-565) ra lệnh đóng cửa, Học Viện với giảng đường khang trang, thư viện tinh mịch, thư sinh nhiệt tình tồn tại gần 900 năm, người sau gọi đó là trường đại học đầu tiên trên thế giới, lò đúc đào luyện vô vàn nhân tài, dòng sông bồi dưỡng sinh lực cho biết bao khối óc, trái tim. Một phần do chính sách muốn áp đặt một cách quyết liệt chủ thuyết Kitô giáo, trong pháp lệnh, Hoàng đế tuyên bố: “Từ rày về sau không thần dân nào được phép giảng dạy triết lý hoặc giải thích luật lệ ở Athens”. Khi hay sự thể bất mãn hết sức một số thành viên rời bỏ Học Viện ra đi, một số qua Ba Tư, một số sang Trung Đông, tất cả mang tâm trạng trí thức lưu vong. Dẫu thế, do vấn vương khó dứt, một số vẫn ở lại sống âm thầm, Học viện không tắt thở tức khắc, mà lay lắt kéo dài cuộc đời tới thời Trung Cổ, thế kỷ XV.

Cuộc đời rạn vỡ như thế vậy mà người sau vẫn không biết cuối cùng Platon như thế nào. Và cũng chẳng ai hay buổi đầu ông có lập gia đình, có vợ, có con không, mà chỉ biết mấy chục triết phẩm để lại cho đời, trong số đó tác phẩm “Chính thể cộng hòa” giữ vai trò quan trọng nhất.

Ảnh hưởng của Platon trong toàn bộ lịch sử triết học phương Tây thật là vĩ đại. Platon có ảnh hưởng đến tư tưởng của người Do Thái trong công trình của *Philo Judaeus*, nhà triết học ở Alexandria vào thế kỷ I. Chủ nghĩa Platon mới được sáng lập bởi *Plotinus*, vào thế kỷ thứ III là sự tiếp tục phát triển quan trọng của chủ nghĩa Platon. Tư tưởng Platon có vai trò cơ yếu trong sự phát triển của thần học Kitô giáo, cũng như tư tưởng Hồi giáo Trung cổ. Trong thời kỳ Phục hưng, ảnh hưởng của chủ nghĩa Platon tập trung ở *Viện Hàn lâm Florence*. Ở Anh, chủ nghĩa Platon được phục sinh vào thế kỷ XVII bởi *Ralph Cudworth* và những người khác, họ đã trở thành những người theo chủ nghĩa Platon ở Cambridge. Ảnh hưởng của Platon mở rộng đến thế kỷ XX. Nhà triết học Anh *Alfred North Whitehead* đã từng tỏ lòng tôn kính bằng cách mô tả lịch sử của Triết học chỉ là “một loạt những chú thích về Platon” [7, tr. 142-143].

## CHƯƠNG 2

### HÌNH THỨC, KẾT CẤU CỦA TÁC PHẨM VÀ NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ PLATON TRONG “CHÍNH THỂ CỘNG HÒA”

#### 2.1. HÌNH THỨC, KẾT CẤU CỦA TÁC PHẨM VÀ NHỮNG NHÂN VẬT THAM GIA ĐỐI THOẠI TRONG TÁC PHẨM

##### 2.1.1. Hình thức của tác phẩm

“Politeia” (Chính thể cộng hòa) được viết khoảng năm 360 (có tài liệu 380) TrCN là tác phẩm lớn nhất của Platon và được đánh giá là một trong những tác phẩm nổi tiếng nhất của triết học phương Tây về Chính trị học, có ảnh hưởng rất sâu sắc đến tư duy của triết học và chính trị học của phương Tây trong suốt hơn 2000 năm qua. Đó là “một công trình lớn dưới hình thức một cuốn sách nhỏ trong đó tập trung những tư tưởng của Platon” [6]. Ông R.W. Emerson, một triết gia Mỹ, cho rằng: “Người ta có thể đốt tất cả thư viện, vì tinh hoa của các thư viện đều đã nằm trong cuốn sách này” [3, tr. 29]. Có thể nói đó là một cuốn bách khoa toàn thư vô cùng giá trị trong lịch sử nhân loại.

Tên tác phẩm “Politeia” bắt nguồn từ chữ “polis” trong tiếng Hy Lạp. Polis được dịch ra tiếng Anh là “city-state”, tiếng Pháp “cité-état”, vì thế tiếng Việt dịch là *thành bang* hay *thành quốc*. Polis là đơn vị tổ chức đời sống chính trị, xã hội có thành phố ở trung tâm và chung quanh là vùng nông thôn. Nó không hẳn là một quốc gia theo nghĩa ngày nay. Polis cũng không giống với hình thức nhà nước “chư hầu” ở Trung Quốc cổ đại, vì mỗi polis là *một đơn vị chính trị, tổ chức xã hội độc lập*. Người Hy Lạp cổ đại tuy có chung một nền văn hóa, ngôn ngữ, tôn giáo, nhưng về chính trị họ sống trong những tổ chức nhà nước riêng, có quân đội riêng, phong tục tập quán khác nhau.

Những polis này có thể liên kết với nhau thành những liên minh nhưng vẫn giữ tính độc lập của mình [7, tr. 26-27]. Politeia vì thế có nghĩa đen là “chính thể của thành bang”. Theo Đỗ Khánh Hoan, Politeia là đời sống cộng đồng và sinh hoạt chính trị của cộng đồng dân chúng chung sống, tự quản, đối ngoại tham gia chiến tranh, đối nội bảo vệ hòa bình; polis là nhóm xã hội tự nhiên chứa trong nó tất cả những gì cần thiết để phát triển, đồng thời hành xử khả năng, quyền hạn của con người [6, tr. 57]. Cũng theo Đỗ Khánh Hoan, trong tiếng Hy Lạp những từ như “chính khách”, “công dân” đều bắt nguồn từ chữ “polis”. Công dân (polites) nghĩa là “người thuộc về thành quốc”, chính khách (politikos) nghĩa là “người hiểu sự việc thành quốc”; chính trị (politika) nghĩa là “cái phải làm với thành quốc” [6, tr. 58].

Vào thế kỷ I trước công nguyên, “Politeia” được Marcus Ciceron dịch sang tiếng Latinh có tiêu đề là “*de republica*” có nghĩa là “*công việc công cộng*”; về sau thuật ngữ này được dùng với nghĩa hẹp hơn để chỉ *một loại thể chế chính trị đặc biệt*, trong đó việc quản lý nhà nước là *công việc công cộng* của xã hội, phân biệt với các hình thức thể chế khác trong đó việc cai trị đất nước là công việc riêng tư của một cá nhân, dòng họ hay một nhóm người. Trong thời cổ đại, nhà nước La Mã cũng có một hình thức tương tự mà ngày nay người ta gọi là “Cộng hoà La Mã” (The Roman Republic). Vì những lý do đó mà tác phẩm Politeia mang tên tiếng Pháp *La république*, tiếng Anh *The Republic*, tiếng Tây Ban Nha *La república*, tiếng Đức *die Republik*. Đi xa hơn dường như muốn tránh ngộ nhận hoặc hiểu lầm có người bỏ mạo từ *la, the, die* trước danh từ, song không người nào thay đổi tên gọi, có lẽ vì sợ bị cho là ngược đời, thông thái rờm. Tuy nhiên, như Đỗ Khánh Hoan nhận xét, “dù tưởng tượng đến mấy, đi vào triết phẩm, từ đầu chí cuối, độc giả sẽ thấy tác giả không hề bàn tới cái gì gọi là cộng hòa, tư tưởng cộng hòa, chủ nghĩa cộng hòa, chính thể cộng hòa hay mẫu người cộng hòa” [6, tr. 58]. Thể chế

chính trị mà Platon bàn đến trong tác phẩm không giống với thể chế cộng hoà ngày nay, vì thể chế cộng hoà ngày nay gắn liền với chế độ dân chủ, trong đó các cơ quan lập pháp, hành pháp được dân bầu, nhưng Platon thì lại phản đối hình thức chính thể dân chủ này.

Cho đến nay trong các bản tiếng Việt, tên tác phẩm “Politeia” được dịch với những tiêu đề khác nhau: “Cộng hòa”, “Nền Cộng hoà”, “Nhà nước Cộng hòa” ... Trong luận văn này, chúng tôi chọn “*Chính thể cộng hòa*” để đặt tên tiếng Việt cho tác phẩm, bởi vì, nếu từ “*politika*” được dịch là “*chính trị*”, từ “*politikos*” là “*chính khách*”, thì từ “*politeia*” dịch là “*chính thể*” là hợp lý (vì các từ này đều xuất phát từ “*polis*” có nghĩa là *thành quốc*, nên *politeia* có nghĩa là *chính thể của thành quốc*). Mặc dù Platon không dùng từ “cộng hòa”, nhưng với ý nghĩa của từ này trong tiếng Latinh (*res publica* - công việc công cộng) thì từ này phản ánh được tư tưởng Platon coi công việc quản lý nhà nước là *công việc công cộng*, vì *lợi ích cộng đồng*, không phải vì lợi ích riêng một giai cấp hay cá nhân, nên chính thể này có tên là “cộng hòa” là hợp lý.

### 2.1.2. Kết cấu của tác phẩm

Khởi đầu khi sửa soạn ấn loát, tác phẩm *Chính thể cộng hòa* được chia làm mười phần (hay mười quyển), việc làm này do một học giả vô danh người Hy Lạp thực hiện, không do tác giả, nhằm đưa tác phẩm vừa với khổ giấy cói sử dụng thời đó. Về sau trong học giới Tây Âu có người theo, có người không theo sáng kiến tiên khởi, viện cứ mở đầu, kết thúc của các phần không hoàn toàn trùng hợp và thường kết thúc giữa chừng cuộc tranh luận. Chẳng hạn phần I kết thúc cuối cuộc tranh luận giữa Socrates và Thrasymachus, trong khi Phần IX bắt đầu giữa cuộc tranh luận về mẫu người độc tài. Bởi thế họ chia tác phẩm theo nhiều cách khác nhau; có người chia thành chương, có người chia thành phần, có người chia thành quyển, dài ngắn, số lượng khác

nhau. Theo dịch giả Đỗ Khánh Hoan tác phẩm chia thành 10 phần (một số bản dịch tiếng Anh gọi là Quyển - Book), như sau:

Phần I. 327a-354c

Phần II. 357a-383c

Phần III. 386a-417b

Phần IV. 419a-445e

Phần V. 449a-480a

Phần VI. 484a-511e

Phần VII. 514a-541b

Phần VIII. 543a-569c

Phần IX. 571a-592b

Phần X. 595a-621d

Như vậy, tác phẩm “*Chính thể cộng hoà*” trong bản dịch của Đỗ Khánh và nhiều bản dịch tiếng Anh được chia thành 10 phần, mỗi phần có dung lượng tương đương với một chương trong các sách hiện nay. Phần I và Phần II nêu ra và thảo luận khái niệm “công chính”. Phần III bàn vấn đề giáo dục và điều kiện ăn ở của tầng lớp cai trị. Phần IV thảo luận vấn đề bốn đức hạnh của xã hội, mối liên hệ giữa cấu trúc ba phần của linh hồn và cấu trúc ba đẳng cấp của xã hội. Các phần V, VI, VII bàn vấn đề đơn vị thể chế của thành bang, sự cai trị của nhà triết học, vấn đề giáo dục nhà triết học để lựa chọn người tốt nhất trong số họ đưa lên làm vua. Phần VIII vạch ra bốn hình thức nhà nước thành bang bị suy thoái. Phần IX trả lời câu hỏi đặt ra ở tập II: Công chính thì tốt hơn bất công. Phần X bàn về nghệ thuật, về sự bất tử của linh hồn, phần thưởng cho sự công chính, sự phán xét người chết.

### **2.1.3. Những nhân vật tham gia đối thoại trong tác phẩm**

Như đã nói trên đây, tác phẩm “*Chính thể cộng hoà*” có hình thức là một *cuộc đối thoại lớn* do Platon xây dựng. Mặc dù, tên tuổi các nhân vật

trong cuộc đối thoại là có thật, nhưng bản thân cuộc đối thoại là một  *hư cấu*  được Platon dùng để trình bày quan điểm của mình. Trong cuộc đối thoại này, nhân vật chính là Socrates. Đặc điểm chung của các tác phẩm Platon là ông  *không trực tiếp viết về quan điểm của mình, mà qua miệng của Socrates và một số người khác để nói lên quan điểm của mình. Do vậy, những kết luận của Socrates tán thành hay không tán thành trong các cuộc đối thoại chính là quan điểm thực sự của Platon.* Tác phẩm  *Chính thể cộng hoà*  là một cuộc đối thoại giữa Socrates và một số người Athens và ngoài Athens, gồm Glaucon, Adeimantus, Polemarchus, Cephalus, Thrasymachus và Cleitophon.

Thời gian cuộc đối thoại trong tác phẩm “Chính thể cộng hòa”, theo học giới Tây Âu phỏng đoán, diễn ra trước năm 420 TrCN, lúc đó Socrates khoảng năm mươi tuổi. Cuộc trò chuyện diễn ra tại nhà lão nhân Cephalus ở Piraeus, một thành phố cảng cách Athens khoảng 10 cây số, nhân dịp Platon và mấy người nữa trong chuyến đi dự lễ hội do người Athens tổ chức ở đó và được Polemarchus (con trai của Cephalus) mời về nhà của bố mình làm khách quý và đàm đạo triết học.

Socrates là người chủ cuộc đối thoại và là người kể lại cuộc đối thoại của mình.  *Glaucon*  và  *Adeimantus*  – hai người anh của Platon chỉ tham dự đối thoại sau Phần I.  *Polemarchus*  là dân bến cảng Piraeus; cuộc đàm đạo diễn ra ở nhà anh này.  *Cephalus* , sinh trưởng ở Syracuse, thành phố hải cảng đông nam đảo Sicily, bố đẻ Polemarchus, thương nhân, đối với Athens là kiều cư, lúc đó dường như sống với con trai, tham dự phần đầu cuộc đàm luận sau đó bảo Polemarchus thay thế.  *Thrasymachus* , người vùng Chalcedon, diễn giả, thành viên triết phái Sophist (phái Ngụy biện), trường phái triết học xuất hiện hạ bán thế kỷ V TrCN, chuyên rao giảng đạo đức và hùng biện, nhân vật chính trong đối thoại phần I. Số người hiện diện không phát biểu ý kiến:  *Lysias*  và  *Euthydemus*  - cả hai là anh Polemarchus.  *Niceratus* , con Nicias,



chính khách, tướng tài thành quốc Athens. *Charmantides* và *Cleitophon*, người sau không biết tiểu sử. Trong nhóm chỉ có *Cleitophon* góp ý ngắn ngủi [340-340e]. Nhiều người nữa tham dự, song không phát biểu.

## **2.2. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ PLATON TRONG TÁC PHẨM “CHÍNH THỂ CỘNG HÒA”**

“Chính thể cộng hoà” là tác phẩm điển hình của tư tưởng chính trị Platon. Dưới hình thức đối thoại, tác phẩm đã thể hiện quan điểm chính trị cơ bản của Platon, thống nhất với thế giới quan và nhận thức luận của ông. Tác phẩm “Chính thể cộng hoà” được hình thành nhằm giải đáp câu hỏi: Thế nào là một nhà nước hoàn thiện, hay nhà nước lý tưởng? Nội dung trọng tâm và xuyên suốt của tác phẩm là: chúng ta nên sống thế nào để được hạnh phúc? Cần phải lựa chọn như thế nào giữa công bằng và bất công? Con đường nào để xây dựng một nhà nước công bằng – “nhà nước lý tưởng”? Giáo dục có vai trò gì trong việc tìm ra con đường đó? Để trả lời câu hỏi này hàng loạt vấn đề về triết học, giáo dục, tôn giáo, đạo đức học, nhận thức luận ... đã được Platon đề cập đến. Tác phẩm là sự hòa quyện giữa triết học và văn học ở mức độ cao nhất đã khiến “Chính thể cộng hoà” trở nên một tác phẩm kinh điển vô tiền, kháng hậu trong lịch sử tư tưởng triết học của nhân loại.

Chủ đề chính của tác phẩm là sự thảo luận của các nhà triết học về thế nào là *công chính* (công bằng chính trực) và con đường để xây dựng một *nhà nước công bằng*.

### **2.2.1. Về vấn đề “công chính”. Mối quan hệ giữa phẩm chất công bằng chính trực của cá nhân người cầm quyền với sự công bằng của xã hội**

Điểm xuất phát của tác phẩm là khái niệm *công chính* (*δικαιοσύνη*). Từ Hy Lạp *δικαιοσύνη* (đọc là *dikaiosuné*) được dịch ra tiếng Anh là *justness*,

*righteousness* (sự đúng đắn, chân chính, chính trực) hoặc *justice* (công bằng, công lý), tính từ là *δίκαιος* (*just, righteous*). Khi dịch ra tiếng Việt phải tùy theo ngữ cảnh, thí dụ khi nói về cá nhân thì dịch là (sự) *đúng đắn, chân chính, chính trực*, giống như khái niệm “chính” của Khổng Tử, của Hồ Chí Minh (cần, kiệm, liêm, chính). Khi nói về xã hội, thì dịch là *công bằng*, khi nói về nhà nước, pháp luật thì dịch là *công lý*. Vì thế chúng tôi tạm dịch từ này với nghĩa khái quát là “công chính”. Đối lập với công chính là *bất chính, bất công*. Trong bản dịch của mình, Đỗ Khánh Hoan dùng từ “*công bình*” để nói về xã hội và cụm từ “*công bình chính trực*” để nói về cá nhân. Theo ông, “chữ này bao hàm toàn diện đạo đức cá nhân ... Công bình là tổng số đức tính cần có để sống trong cộng đồng. Chữ này bao gồm đạo đức cá nhân và đạo đức xã hội ... cả đạo đức lẫn chính trị”. (6, tr. 62)

Công chính (công bằng chính trực) vừa là *đạo đức* và *điều kiện của hạnh phúc cá nhân* đồng thời là là *mục đích của xã hội*, là *tính chất căn bản nhất của nhà nước lý tưởng*, nên được Platon lấy làm *khái niệm xuất phát* cho toàn bộ học thuyết về nhà nước của ông.

Theo Platon (thông qua Socrates), *công chính* phải được xem xét ở hai phương diện – cá nhân và xã hội. Công bằng trong xã hội phải *xuất phát từ sự công bằng chính trực trong tâm hồn của cá nhân người lãnh đạo*; người có tâm hồn chân chính thì mới lãnh đạo quản lý xã hội một cách tốt đẹp. Sau đây là một số câu trong đoạn đối thoại giữa Socrates và Thrasymachus một nhà triết học phái Sophist (Socrates đưa ra ý kiến và Thrasymachus tán thành):

- Như vậy, chúng ta có cho rằng tâm hồn cũng có đức hạnh?
- Đúng vậy.
- Thrasymachus này, như thế liệu một tâm hồn có thể hoàn thành tốt công việc nếu nó không có đức hạnh hay không?
- Không thể.

- Vậy thì một tâm hồn xấu tất yếu sẽ cai trị và quản lý tồi, còn một tâm hồn tốt sẽ làm tốt những công việc này?

- Tất nhiên là thế.

- Chúng ta có đồng ý rằng công bằng chính trực là đức hạnh của tâm hồn, còn bất công bất chính là thói hư tật xấu của tâm hồn?

- Chúng ta đồng ý như vậy.

- Như vậy, tâm hồn công chính sẽ có một cuộc sống tốt đẹp, còn tâm hồn bất chính sẽ có một cuộc sống tồi tệ?

- Hình như thế.

- Và một người công bằng chính trực sẽ hạnh phúc và một người bất công bất chính sẽ bất hạnh?

- Mong là như vậy” [8, tr. 55]<sup>1</sup>

Trong Phần I và một phần của Phần II, Socrates tường thuật lại cuộc thảo luận về khái niệm “*công chính*”. Nhiều định nghĩa khác nhau được nêu ra và trao đổi để đi đến thống nhất.

Trong Phần I, đầu tiên Socrates xem xét hai định nghĩa về công chính. Một định nghĩa: công bằng chính trực chính là “nói đúng sự thật và hãy trả lại những gì mình mượn của người khác” [6, tr. 71]

Và Socrates kết luận “Nói sự thật và trả lại bất kể cái gì mượn của người khác không phải là định nghĩa của cư xử phải lẽ” [6, tr. 75]

Socrates giải thích bằng cách đưa ra giả thuyết rằng: Giả sử có một người bạn cho tôi mượn vũ khí khi anh ta ở trong điều kiện bình thường và anh ta yêu cầu tôi phải trả lại khi đầu óc anh ta không còn bình thường nữa liệu tôi có cần trả lại không? Không ai nói rằng tôi nên làm như vậy và làm điều như vậy mới là đúng đắn. Hơn nữa không ai bảo rằng tôi nên nói sự thật với một con người đã ở trong tình trạng như vậy. Đồng thời Socrates cũng đặt

<sup>1</sup> Trong bản dịch “Cộng hòa” của Đỗ Khánh Hoan, từ “*công chính*” được dịch là “*công bình*” hoặc “*công bình chính trực*”, “*tâm hồn*” được dịch là “*tâm trí*” (xem 6, tr. 134-136)

vấn đề: “Như vậy tôi cũng phải trả lại bất kể cái gì thuộc về kẻ thù?” [6, tr. 78-79].

Một định nghĩa khác được đưa ra thảo luận: Công bình chính trực là làm điều tốt cho bạn bè và làm điều có hại cho kẻ thù. [6, tr. 80]

Socrates cho rằng đây là quan niệm đạo đức thông thường, nhưng cũng là sai lầm bởi vì: một là, khó mà phân biệt rạch ròi giữa bạn và thù, hai là, không chỉ có kẻ thù mà ngay bạn cũng có thể làm điều xấu và nếu người bạn làm điều ác thì không phải bị trừng phạt hay sao? Như vậy giúp bạn làm điều xấu không phải là công bằng.

Còn làm hại kẻ thù có phải là công bằng không?

Theo Socrates, *người công bằng chính trực không làm điều bất chính cho người khác, kể cả đối với kẻ thù của mình.*

Ông lập luận: Chức năng của nhiệt không làm cho mọi vật lạnh vì đó là chức năng của các đối lập với nhiệt. Chức năng của khô không làm cho mọi vật ướt vì đó là chức năng của cái đối lập với khô. Làm hại người không phải là chức năng của người tử tế, mà là chức năng của kẻ đối lập với người tử tế.

Người công bằng chính trực là người tử tế.

Như vậy, chức năng của người công bằng chính trực không phải là làm hại thân hữu hay bất kỳ ai, vì đó là chức năng của kẻ đối lập, kẻ bất công, bất chính”.

Socrates nói thêm: “Tôi thấy làm hại bất kỳ ai, bất kể lúc nào không bao giờ có thể là điều đúng được”. [6, tr. 88 - 89]

Một định nghĩa khác do Thrasymachus, phái ngụy biện đưa ra và anh ta dùng lập luận để bảo vệ: “Công bằng (công lý) là phù hợp với lợi ích của chính quyền hiện hữu” [6, tr. 97-98]

Socrates nói: Bây giờ thì chúng ta phải đồng ý rằng, công bằng (công lý) là một thứ lợi ích nào đó. Nhưng anh nói rằng đó là lợi ích “của người cầm

quyền”, về điểm thứ hai này tôi không chắc chắn lắm và cần phải xem xét thêm. Có phải anh cho rằng thần dân tuân phục nhà cầm quyền là công bằng, công lý? Tôi cũng cho như vậy. Nhưng liệu như vậy có phải nhà cầm quyền tuyệt đối không thể phạm sai lầm, hay có lúc họ cũng không tránh khỏi sai lầm? Vì vậy trong khi làm ra luật pháp, họ có thể làm đúng hoặc có thể làm sai? Và luật pháp làm ra phải được thần dân tuân theo và đó là cái mà anh gọi là công lý chăng?

Trong các đoạn tiếp theo của cuộc tranh luận, Socrates chứng minh chỉ có người công bằng chính trực mới có thể đoàn kết được với mọi người, còn kẻ bất công bất chính thì chỉ gây chia rẽ, mâu thuẫn. Do vậy, một kết luận tất yếu có thể rút ra là: chỉ có người công bằng chính trực mới có khả năng thực thi được công lý và tạo dựng một xã hội công bằng, vì theo Socrates, công bằng chính trực “sẽ tạo dựng đoàn kết vì mục đích, thống nhất về tình cảm giữa họ với nhau”. “Bất công bất chính sẽ khiến họ cãi lộn, ghét bỏ lẫn nhau, họ sẽ thù hận không những chính họ mà cả người công bằng chính trực nữa” [6, tr. 129].

Và Socrates kết luận “Bất công bất chính sẽ có hậu quả sau đây: Dù xuất hiện trong thành quốc, thị tộc, quân đội hay bất kể cái gì, trước hết nó sẽ khiến cho thực thể đó không thể hợp tác hành động, vì phân chia, cãi lộn, sau đó đưa tới chỗ mâu thuẫn với chính nó (352<sup>a</sup>) và bất hòa với công bằng chính trực hoặc bất kể cái gì là công bình chính trực”. “Xuất hiện trong cá nhân riêng biệt, nó cũng sinh ra hậu quả tương tự, hậu quả cố hữu nó phải có. Trước hết, nó khiến cá nhân không thể hành động, vì bất hảo bên trong, phân ly nội tại, tiếp đến do sản sinh thù nghịch nội tại, nó sẽ sinh sản thù nghịch giữa nó với người công bình chính trực” [6, tr. 130].

Trong Phần II, Socrates đề nghị nên tìm hiểu công bình chính trực trên bình diện lớn hơn, thành quốc thay vì cá nhân, đặc biệt nếu quan sát xã hội

ngay từ bước đầu. Do vậy ông hoạch định xây dựng thành quốc lý tưởng. Có thể nói toàn bộ những tư tưởng về chính trị xã hội của Platon được gói gọn trong mô hình “Quốc gia lý tưởng” [6, tr. 141] mà ông đã dày công gầy dựng suốt cả cuộc đời. trong mô hình quốc gia lý tưởng ấy ta thấy nó thể hiện đầy đủ tất cả các vấn đề của đời sống xã hội mà chúng ta ngày hôm nay vẫn còn đang băn khoăn suy nghĩ. Vậy quốc gia lý tưởng đó như thế nào? Đó là một quốc gia mà trong đó mọi người luôn được sống êm đềm hạnh phúc, đầy đủ và mọi người được thỏa mãn với những gì mà họ đã tạo ra: “người ta sẽ sản xuất lúa, rượu, áo quần, giày dép, nhà cửa. họ sẽ làm việc lưng trần trong mùa hạ và mang áo ấm trong mùa đông. Họ tự nuôi sống bằng lúa mì, xay bột, bánh nướng, họ ngồi ăn trên chiếu hoặc trên lá, ngả lưng vào giường hoặc thân cây. Họ ăn uống với gia đình, uống rượu do họ làm lấy, mang những vòng hoa trên đầu, hát những điệu ca tụng thần linh, sống trong hòa nhã êm ái không để cho nhân khẩu vượt quá phương tiện sinh nhai vì họ biết lo xa, sợ đói nghèo và chiến tranh...” [3, tr. 34]

Về quan hệ xã hội thì mọi người đều phải có những vai trò và nhiệm vụ riêng theo từng tầng lớp đã được phân chia. Làm đúng theo nhiệm vụ ấy là bảo vệ và xây dựng đời sống hạnh phúc. Mọi người đều phải được học hành, không có chiến tranh, kể cả ngoại chiến lẫn nội chiến; các quan chức lãnh đạo phải là những triết gia vì những người như họ mới đủ khả năng sáng suốt lãnh đạo, và tất nhiên họ không được tham những vợ vét của cải của dân. Những của cải của người dân làm ra phải được phân chia một cách đồng đều để không ai quá giàu hoặc quá nghèo. Và tất nhiên, xã hội đó là một xã hội quý tộc dân chủ, tất cả mọi tài năng đều có cơ hội phát triển đồng đều, dù là con vua hay con chúa cũng bắt đầu ngang nhau. Trong chế độ này hoàn toàn không có giai cấp, không có vấn đề cha truyền con nối, nếu không có năng lực thì sẽ bị đào thải, dù là con vua.

Những vấn đề chính trị xã hội với một “quốc gia lý tưởng” đơn giản và

trong sáng như thế vậy thì tại sao nó chưa bao giờ “nằm trên bản đồ”, chưa bao giờ được con người thực hiện? Để giải đáp, Platon đã chỉ ra rằng sở dĩ nó chưa có điều kiện hiện hữu là bởi tư tưởng chính trị và xã hội trong mỗi quốc gia còn quá nhiều bất ổn và chông chéo.

Về chính trị, Platon đã nêu hai lý do chính gây ra sự rối loạn đó là: - Vấn đề tầng lớp lãnh đạo: Như chúng ta được biết thời đó, xã hội Hy Lạp được phân chia thành ba chế độ nhà nước: một là nhà nước quân chủ, hai là nhà nước chủ nô quý tộc và ba là nhà nước chủ nô dân chủ. Ba hình thức này về mặt lãnh đạo thường phát sinh những biến tướng hay “kẻ sinh đôi biến chất” của nó: chế độ quân chủ biến thành nền bạo chính, chế độ quý tộc thành chế độ đầu sỏ, chế độ dân chủ thành chế độ mị dân.

“Những biến chất diễn ra vì các nhà cầm quyền có thiên hướng quan tâm nhiều hơn bản thân và đến lợi ích vị kỷ của mình, chứ không phải đến lợi ích của công dân. Nhân tố làm biến chất cũng là tự do thái quá, tự do này tất yếu kéo theo thói mị dân là cái làm huỷ hoại đạo đức”. [5. tr. 148]

Và một khi những chính thể quốc gia đó không còn giữ được hình ảnh ban đầu hay đi vào con đường quá khích thì sự suy sụp và đảo thái chắc chắn phải xảy ra. Đó là một điều khó tránh khỏi. Từ đây ông vạch ra những sai lầm trong các chế độ. Thông thường, giới cầm quyền quý tộc hay có thiên hướng tự cô lập và vạ tập hợp quyền lực vào cho mình chính vì thế mà thường gây mất lòng dân nên dễ mất nước. Ngược lại chế độ dân chủ sẽ tự huỷ hoại mình cũng chỉ vì quá dân chủ. Thực ra, Platon không tin tưởng gì vào chế độ dân chủ bởi theo ông thì “mới xem qua thì nó (chế độ dân chủ) là một lí tưởng quá tốt đẹp nhưng thực ra nó trở nên vô cùng nguy hiểm vì dân chúng không được giáo dục để có thể lựa chọn người tài giỏi ra cầm quyền và ấn định đường lối thích hợp... để cho dân chúng cầm quyền không khác gì cho con thuyền quốc gia vượt qua vùng bão tố, miệng lưỡi của bọn chính trị gia làm nước nổi sóng

và lật hướng đi của con thuyền. Không chóng thì chầy một chính thể như vậy sẽ đi vào con đường độc tài” [3, tr. 37]. Ông viện dẫn rằng từ việc đóng giày mình cũng biết chọn lựa những thợ lành nghề, chuyên nghiệp; khi bị bệnh ta cũng tìm tới bác sĩ giỏi chứ không bao giờ tìm tới những vị lương y đẹp trai hay miệng lưỡi. Thế thì tại sao ta không chọn những vị minh triết, khôn ngoan và đức hạnh và loại bỏ những người ngu dốt, bịp bợm trong việc trị nước?

Về kinh tế: Con người luôn bị chi phối bởi lòng tham lam và ích kỷ do vậy họ thường không cam phận trong những cái gì họ đã có mà luôn tìm cách sở hữu những cái họ chưa có, kể cả những vật của người khác. Nhưng có điều là lòng tham không bao giờ được thỏa mãn, được cái này họ lại muốn thêm cái khác. Từ đó mới có những vấn đề như cướp giựt, chiến tranh, xâm lấn đất đai, chiếm giữ tài nguyên v.v... Đó là một sự thật. Platon đã nhận ra vấn đề này nhưng ông còn đi xa hơn khi thấy rằng kinh tế còn tác động tới nền chính trị và quốc gia khi ông cho rằng:

“Những việc thay đổi trong việc phân phối lợi tức gây nên những sự thay đổi về mặt chính trị: khi lợi tức của bọn thương gia vượt quá lợi tức của bọn địa chủ, chính thể phú nông nhường chỗ cho chính thể phú thương”. [3, tr. 36]. Và lịch sử cho thấy khi một nền kinh tế phát triển hay suy sụp thì nó cũng kéo theo sự phát sinh ra những tầng lớp mới. Từ đó ông cho rằng trong một nhà nước tuy có nhiều tầng lớp nhưng thực chất chỉ sự phân biệt về kinh tế giữa giàu và nghèo. Trong mỗi quốc gia cũng vậy đều có hai quốc gia cùng tồn tại ở bên trong đó là quốc gia của những người nghèo và quốc gia của những người giàu. Nó cùng tồn tại và xung đột nhau gay gắt.

Về xã hội: Xã hội trong quốc gia lí tưởng của Platon được phân chia thành ba tầng lớp rõ rệt tương ứng với từng bản tính và chức năng của mỗi tầng lớp: tầng lớp lãnh đạo tức là những triết gia trí thức, hai là tầng lớp chiến binh tức là những người tham gia vào quân đội cảnh sát và ba là tầng lớp lao



động và thương nhân tức là những người sản xuất lương thực và buôn bán. (Theo Lê Tôn Nghiêm, Platon phân chia ba tầng lớp này tương ứng với giá trị của ba tầng lớp là Vàng, Bạc và Đồng).

Sở dĩ ông phân chia ba tầng lớp xã hội như vậy bởi ông căn cứ vào học thuyết về linh hồn (hay tâm hồn, tâm trí) của ông. Linh hồn có cấu trúc ba phần: phần lí trí, phần dũng cảm và phần bản năng hay dục vọng. Với những đức tính như vậy con người cần có những biện pháp cư xử khác nhau thì những tầng lớp trong xã hội cũng cần phải phân biệt rạch ròi trong từng địa vị của mình. Sự nhập nhằng, xáo trộn và bất phân biệt giữa các tầng lớp dẫn đến sự rối loạn xã hội và cũng là nguyên nhân của sự mất nước. Hạng người thương nhân thì thích hợp với buôn bán; quân nhân thì thích hợp ở chiến trường nhưng tất cả họ sẽ là tai hại nếu làm chính trị bởi công việc trị nước vừa là khoa học vừa là nghệ thuật, trong đó cần nhiều sự tận tâm và học hỏi nhưng với họ thì chỉ có sự vụng về và những thủ đoạn. Do vậy, chỉ có hạng người triết gia, nhân đức mới thích hợp và đủ khả năng lãnh đạo đất nước.

Trên cơ sở đó ông đưa ra các giải pháp cho nền chính trị xã hội: Bất cứ nền chính trị xã hội nào cũng đều lấy con người làm nền tảng hay con người là “chất liệu cấu tạo triết lý chính trị”. [3, tr. 39]. Vì thế đề cập tới chính trị mà không nói tới con người cấu tạo xã hội chính trị là một điều không tương.

Quốc gia lí tưởng của Platon là một quốc gia cộng sản triệt để trong đó, tất cả mọi cái đều được gom vào thành của chung. Tất cả lợi ích là vì xã hội, nhà nước. Tuy nhiên, người lãnh đạo lí tưởng tất nhiên không ai khác hơn là tầng lớp quý tộc nhưng những người quý tộc này không được sở hữu bất cứ tài sản nào, kể cả vợ con riêng. Có như vậy họ mới dốc toàn tâm toàn ý cho quốc gia xã hội. Ngược lại họ chỉ là những người vợ vét tài sản, là những chủ đồn điền trang trại, thương chủ chứ không phải là nhà lãnh đạo. Khi họ thực hiện như vậy thì đời sống của họ phải được bảo đảm bởi các quân nhân và

những người buôn bán. Trong các tầng lớp trên thì chỉ có tầng lớp lao động, thương nhân mới được sở hữu tài sản và có vợ con riêng, bởi họ là những người còn tham lam vợ vệt nên không thể nào sống một cuộc đời hoàn toàn trong sạch như những tầng lớp trên được. Họ có nhiệm vụ làm ra những của cải vật chất để cung cấp cho đời sống của toàn xã hội và cung cấp lương thực, thực phẩm để nuôi sống đời sống những tầng lớp trên. Tuy nhiên, họ cũng có quyền không cung cấp thực phẩm cho những tầng lớp khác nếu những người lãnh đạo không hết mình chăm lo đời sống của dân.

Về vấn đề an ninh thì cần phải chống thù trong giặc ngoài, nhưng quan trọng hơn cả là giặc ở bên trong vì nó chia rẽ tàn sát những người trong cùng một nước. Vấn đề an ninh đã được tầng lớp chiến binh gìn giữ, nhưng thật ra biện pháp giữ gìn trật tự hoàn toàn hảo nhất là trật tự từ tâm hồn của mọi người. Trong một số trường hợp nhất định, nếu không có cảnh sát, binh lính thì không giải quyết, ngoài cần phải xây dựng luật pháp ở tính tự nguyện, tự giác của mỗi người bởi trật tự nhà nước được rút ra từ “trật tự tự nhiên của các vật, và các siêu hình học của bản thân. Hơn nữa, trong nhà nước ấy phải gắn liền với lý tưởng tối thượng của pháp luật, ở đó “luật pháp là bất di bất dịch và chiếm vai trò hàng đầu” [3, tr.149]. Mọi người trong quốc gia đó đều phải tuân hành như nhau không có ai khác.

Ngoài ra ông cũng chủ trương cần phải tin vào một đấng tối cao mặc dù đấng tối cao theo ông chưa chắc là có thật nhưng nó có tác dụng làm kích thích tinh thần của tất cả mọi người từ làm việc cho tới chiến đấu, khiến họ có thể dồn nén lòng ích kỷ, kìm hãm sự đam mê mà phục vụ cho quốc gia ngay cả đối với cái chết. Và trong các trường hợp ấy theo ông, chỉ có thượng đế. Dẫu sao, theo ông, “tín ngưỡng không đem lại những điều gì có hại mà chỉ đem lại điều lợi cho trẻ em chúng ta” [3, tr.47].

Theo Platon, để thực hiện công bằng trên bình diện xã hội cần phải

thực hiện tốt việc giáo dục xã hội, quản lý tốt tầng lớp cầm quyền, đảm bảo tầng lớp cầm quyền không có tư hữu và vợ con, gia đình riêng, v.v... Những nội dung này được trình bày trong các phần tiếp theo của tác phẩm.

### **2.2.2. Vấn đề giáo dục xã hội và quản lý tầng lớp người cầm quyền**

Từ quan niệm cho rằng *muốn xây dựng một xã hội công bằng thì phải có những con người công bằng chính trực*, trong Phần III và Phần IV Platon bàn về vấn đề giáo dục, điều kiện thiết yếu để xây dựng đạo đức hoàn bị cho xã hội.

Theo Platon (thông qua Socrates), trẻ em sinh ra *phải được giáo dục, giáo dục văn hóa trước rồi giáo dục thể chất sau* [6, tr. 189]. Dạy trẻ con phải bắt đầu bằng những chuyện kể (kể cả hư cấu) [6, tr. 190 - 191]. Tuy nhiên, Platon công kích những nội dung chuyện kể trong sử thi Homer và Hesiod vì đã “Dùng lời trình bày sai lầm, phác tả hình ảnh méo mó bản chất của thần linh và anh hùng” [6, tr.192]. Các sử thi Homer và Hesiod với những chuyện bịa đặt về đánh nhau, cãi lộn giữa các thần linh, chuyện con hành hạ bố, chuyện chồng hành hạ vợ, bố nắm căng con quăng khỏi bầu trời vì con bênh vực mẹ, v.v., đã gieo rắc cho đầu óc trẻ thơ những ý tưởng không tốt.

Trước nhất, phải giáo dục tất cả những trẻ em mới lớn bằng cách đưa chúng về vùng thôn quê và tách khỏi gia đình để không bị ảnh hưởng xấu bởi cha mẹ của chúng. Tất cả bọn chúng phải được học về tất cả các môn, ít nhất cũng phải biết về thể dục và âm nhạc. Những ai có học thức và trình độ cao hơn sẽ được cho học về toán học, nghệ thuật và phép biện chứng. Độ tuổi thích hợp để chúng bắt đầu đi học là 10 tuổi rồi tiến lên theo từng cấp độ tuổi mà học những cái khác nhau. Trong thời gian học đó sẽ có ba kỳ thi tuyển ứng với trình độ và ngành nghề sau này của chúng. Kỳ đầu được tổ chức vào năm chúng 20 tuổi. Trong đó, nếu người nào rớt sẽ được đưa về làm công việc kinh tế, thợ, hay làm nông. Kỳ thi thứ hai vào năm 30 tuổi. Ở kỳ này

người nào rớt sẽ được phân làm công tác phụ tá, sĩ quan, tham mưu trong quân đội chính phủ, những người còn lại này tất nhiên là những tinh hoa của xã hội và tất nhiên được rèn luyện cho đến năm 40 tuổi khi học có đủ năng lực và kinh nghiệm. Một thể chế chính trị hay xã hội nếu làm cho trọn vẹn quá trình đào tạo “chất liệu cấu tạo triết lý chính trị” như vậy tất nhiên đã bảo đảm được phần nội lực bên trong từ đó tiến lên xây dựng quốc gia xã hội không còn là chuyện khó. [26]

Theo Platon, “do bản tính con người dường như phân chia thành những mảnh nhỏ, nhỏ dần theo khác biệt hết sức tinh vi”, nên một người “chẳng thể đóng nhiều vai hoàn hảo và mô phỏng nhiều điều thành công” (Platon muốn nói rằng con người sinh ra đã có khả năng bẩm sinh khác nhau và càng ngày càng khác biệt trong quá trình lớn lên, nên một người chỉ có thể học làm một công việc và không thể học làm nhiều loại công việc khác nhau), nên ông chủ trương người cầm quyền vì “có chức năng là bảo vệ tự do cho thành quốc” nên “chỉ làm một nghề này và không làm bất cứ nghề gì không liên quan”, “không phải làm bất kể nghề gì bằng chân tay” và cũng không được sắm các vai diễn trái với bản chất tốt đẹp của mình [6, tr. 230].

Ngoài việc giáo dục triết học và toán học, tuổi trẻ, nhất là tầng lớp cầm quyền sau này còn phải được *giáo dục âm nhạc và giáo dục thể chất* để tạo ra sự hài hòa giữa bốn phẩm chất: *Thông thái, Dũng cảm, Điều độ và Công chính*.

Vai trò của giáo dục âm nhạc là tạo ra tâm hồn hài hòa vì: “Những người có tâm hồn hài hòa sẽ yếu quý điều tốt đẹp nhất” [8, tr. 58]

“Do vậy lời hay, nhạc hay, nhịp hay, điệu hay đều phụ thuộc vào bản chất tuyệt diệu của tâm hồn, không phải tình trạng ngớ ngẩn ngồ bỏi lẽ độ, uyển khúc gọi là vắng thiếu suy tư, mà là suy tư chân thành, sâu lắng từ tâm hồn trong đó cái tốt, cái đẹp kết hợp với nhau” [6, tr. 242]

Platon (thông qua Socrates) giải thích: Giáo dục âm nhạc là một

phương tiện có hiệu lực nhất hơn bất cứ phương tiện nào khác, bởi vì nhịp điệu và hòa âm sẽ đi vào chiều sâu bên trong của linh hồn, ở đó nó sẽ gắn truyền cho linh hồn sự tao nhã, làm cho linh hồn của người được giáo dục tốt sẽ trở nên phong nhã, linh hồn của người không được giáo dục tốt sẽ không có sự tao nhã. [7, tr. 58]

Platon rất coi trọng vai trò của *giáo dục nghệ thuật*. Theo ông, “Bồi thâm nhập sâu vào tâm hồn, nhịp và hòa điệu ảnh hưởng quyết liệt. Nếu tốt đẹp giáo dục sẽ đem tới và truyền gửi vẻ dịu dàng, nét ngoạn mục. Nếu xấu xa kết quả sẽ ngược lại”. [6, tr. 243].

Đồng thời theo Platon, giáo dục phải giúp tuổi trẻ “mau lẹ nhận thức thiếu sót, nhược điểm của các tác phẩm nghệ thuật”, “cái gì xấu thanh niên sẽ ghét bỏ một cách hợp lý; cái gì đẹp thanh niên sẽ đón nhận một cách vui vẻ, sẽ biến cái đó là của mình và cứ thế phát triển tâm hồn trở nên thực sự tốt đẹp”, lúc đầu họ chưa hiểu lý do vì sao làm vậy, nhưng về sau lý trí sẽ giúp họ nhận ra [6, tr. 244].

Cần phải *giáo dục tình yêu chân thật* cho thanh niên. “Yêu chân thật là yêu cái đẹp đẽ, cái tao nhã, cái điều độ”. “Yêu chân thật không liên hệ với vui thú tình dục”, “không được phép đem thú vui đó vào tình yêu” [6, tr. 246]. Cần soạn thảo đạo luật “cho phép người yêu liên hệ với bạn trai, hôn hít vút ve nếu bạn trai đồng ý, như người cha đối với người con, vì mục đích đàng hoàng ...” [6, tr. 247]

Trong văn hóa ẩm thực, Platon chủ trương “Cấm tuyệt đối say sưa rượu chè”, “ẩm thực cầu kỳ” vì “ẩm thực cầu kỳ sinh ra phóng dăng, thức ăn phức tạp sinh ra bệnh hoạn”. Hậu quả là: “Càng thịnh hành phóng dăng và bệnh hoạn trong cộng đồng càng mau dẫn tới thành lập tòa án mở cửa xử kiện, bệnh viện mở cửa chữa bệnh”. Khi tầng lớp bình dân, lao động chân tay, và cả thành phần vênh váo là có giáo dục, khai phóng cũng cần y sỹ giỏi, luật sư tài,

đó là chứng cứ xác định ngoạn mục rằng giáo dục của thành quốc đã suy đồi thâm bại” [6, tr. 251].

“Giáo dục và huấn luyện. Nếu giáo dục cẩn thận họ sẽ trở thành người có văn hóa. Nếu huấn luyện kỹ càng họ sẽ nhận thức sự việc vừa kể dễ dàng, cả rất nhiều sự việc lúc này ngô bối bỏ qua, như lấy vợ, đẻ con phải phù hợp với ngạn ngữ cổ xưa: Cửa đồng xứ là cửa chung mọi người”.

“Vâng, họ phải giải quyết vấn đề này”

“Đương nhiên, khi cơ chế khởi sự tốt đẹp, thành quốc của ngô bối sẽ phát triển theo lũy tích. Giáo dục tốt đẹp, huấn luyện tốt đẹp, nếu duy trì, sẽ sản sinh công dân bản tính tốt đẹp; Nếu bám chặt giáo dục, công dân bản tính tốt đẹp đến lượt sẽ sinh con đẻ cái tốt đẹp hơn bản thân, và con cái đến lượt có khả năng đẻ con sinh cái tốt đẹp hơn nữa, như đã thấy trong hàng súc vật”

“Chắc thế”

“Vâng tóm lại vệ quốc<sup>2</sup> lo việc thành quốc phải gắn bó chặt chẽ với giáo dục, và phải canh chừng không để giáo dục suy đồi, tàn tạ mà không hay; vệ quốc phải duy trì giáo dục như ưu tiên hàng đầu”. [6, tr. 290]

Sau giáo dục âm nhạc là giáo dục thể chất, cả hai phải được giáo dục từ tuổi nhỏ và tiếp tục cả đời. Thể dục tạo ra cơ thể khỏe mạnh, khi con người khỏe mạnh thì nhà nước sẽ hùng mạnh. Tuy nhiên, *giáo dục âm nhạc và giáo dục thể chất phải được kết hợp hài hòa với nhau, không được quá thiên về một phía*. Bởi vì, nếu “nhấn mạnh quá đáng vào luyện tập thể dục sẽ sản sinh loại người phàm phu cực độ”, trái lại “nếu huấn luyện thuần túy nghệ thuật, văn hóa sẽ biến con người thành mềm yếu, éo lả” [6, tr. 262].

Trong cuộc đối thoại, Platon đã đưa ra một đoạn lập luận sắc bén: Nếu một người “để âm nhạc mê hoặc tâm hồn, buông thả cuộc đời đắm chìm ngây ngất trong ca khúc ảo não” thì sẽ mất nghị lực, trở thành mềm yếu. Còn nếu

<sup>2</sup> Đăng cấp cảm quyền hay bảo vệ (Guardians) được Đỗ Khánh Hoan dịch là “vệ quốc”

một người “miệt mài luyện tập thể dục, nhưng không tiếp xúc với văn chương, triết lý”, thì tuy thân thể có khỏe mạnh nhưng rồi sẽ “trở thành kẻ phạm phu tục tử, không biết sử dụng lý luận bàn cãi, có thói quen cục súc, muốn đạt mục đích, giải quyết vấn đề bằng vũ lực thô bạo như thú rừng. Người đó sống trong dốt nát, đần độn, đời hoàn toàn thiếu vắng vẻ đẹp và nét dịu dàng” [6, tr. 264-265].

Ngoài ra, còn phải *giáo dục về y học đào tạo y sĩ* để chữa trị những căn bệnh có thể chữa được để tiếp tục lao động. Còn đối với những căn bệnh không thể chữa được thì cái chết là hợp với lẽ tự nhiên. Đoạn đối thoại sau đây nói lên quan điểm đó:

“Nếu gã bệnh đau ốm đi gặp y sĩ là người thợ mộc yêu cầu y sĩ cho thuốc chữa cho nhanh, cho mạnh – gây nôn, thuốc tẩy, đốt da, giải phẫu để thanh toán dứt khoát căn bệnh. Nếu y sĩ bảo phải chữa bệnh lâu dài, cuốn băng gối đầu, lên giường nằm nghỉ, anh ta sẽ không có thì giờ để ốm đau, cuộc đời mà cứ chăm chú chữa bệnh, bỏ bê, không màng công việc là cuộc đời không đáng sống. Sau đó anh ta cúi chào bái biệt y sĩ quay lại làm việc như thường, thậm chí một là phục hồi sức khỏe tiếp tục lao động, hai là nếu cơ thể không chống nổi bệnh tật sẽ chết, không thắc mắc gì nữa”.

“Đối với người như thế sử dụng y khoa như vậy xem ra thích hợp” [6, tr. 254] “không nên chữa trị cho người không thể sống cuộc đời bình thường vì vô dụng với chính họ và thành quốc” [6, tr. 256]

Đối với y sĩ, “Cách tốt nhất cho y sĩ nắm vững khả năng chuyên môn ấy là, ngoài hiểu biết y khoa, cần tiếp xúc với cơ thể ốm đau trầm trọng càng sớm càng tốt, bản thân có kinh nghiệm với đủ loại bệnh trạng và bẩm sinh không khỏe mạnh lắm”. [6, tr. 258]

Còn đối với việc tuyển chọn quan tòa, theo Platon, vấn đề quan trọng nhất là “tâm trí” (tâm hồn). “Ngay từ lúc nhỏ đại tâm trí không nên nuôi

dưỡng gần gũi xấu xa, kết giao với xấu xa, hoặc kinh qua hàng loạt xấu xa để có kinh nghiệm mới mẻ, rồi căn cứ vào đó để phán xét chớp nhoáng người khác như y sĩ làm với cơ thể con người. Trái lại, tâm trí phải, ngay từ lúc còn trẻ, ở trạng thái trong trắng, hoàn toàn không có kinh nghiệm hoặc tiếp xúc với xấu xa, nếu muốn bản thân thật sự tốt đẹp, phê phán thực sự đúng đắn”. [6, tr. 259]

Đối với tầng lớp người cầm quyền không chỉ phải được giáo dục đầy đủ và toàn diện từ nhỏ, mà còn phải được “theo dõi chặt chẽ từ thời thơ ấu, đưa cho họ “Việc làm khó khăn, chịu đựng cực nhọc” để thử thách thái độ của họ, chọn người đã qua thử thách và loại bỏ số người không qua được thử thách [6, tr. 269]. Những người “đã trải qua thử thách liên tục, lúc thiếu thời, lúc thanh niên, lúc trưởng thành không quy gục, không hề hấn, không tì vết sẽ được trao quyền cai trị, quản lý thành quốc, sẽ được vinh danh khi tại thế, lúc qua đời đón nhận phần thưởng cao quý trong hình thức mộ phần” [6, tr. 270].

Đoạn cuối của Phần III bàn *vấn đề ăn ở của tầng lớp cầm quyền*. Những người cầm quyền *không có tư hữu, không có của cải, tài sản riêng, không có nhà cửa, ruộng vườn, tiền bạc*. Nếu có tư hữu, họ sẽ trở thành chủ điền, thương nhân thay vì vệ quốc, họ sẽ trở thành kẻ thù và bạo chúa hà khắc thay vì cộng tác sinh hoạt, chung sống với đồng bào, họ sẽ sống trong ghét bỏ, nghi ngờ, âm mưu chống trả; họ sẽ lo sợ cả đời bên trong nội loạn, bên ngoài tấn công, và nhanh chóng đi đến sụp đổ như là sóng gàn kề cuốn dề, nhấn chìm cả họ và thành quốc”. [6, tr. 276]<sup>3</sup>

Đi vào Phần IV, một câu hỏi được đặt ra cho Socrates là, nếu người cai trị không có của cải riêng, không có vợ con riêng thì làm người cai trị có sướng ích gì? Những người cai trị ở những nơi khác “thì sở hữu ruộng đất,

<sup>3</sup> Trong bản dịch của Đỗ Khánh Hoan, những từ như “ngô bối”, “bản nhân” có nghĩa là “tôi” (“I”, trong tiếng Anh). Những từ như “ngô bối”, “bản nhân”, “tiên sinh”, “lão nhân”, “tiểu điệt”, “tiểu đệ”, v.v., là cách xưng hô của người phương Đông theo lễ giáo phong kiến. Người phương Tây ít khi dùng cách xưng hô phức tạp như vậy.



xây cất nhà cao cửa rộng, tráng lệ, nguy nga, trang bị bàn ghế rực rỡ, mỹ miều, làm lễ tế sinh đặc biệt dâng cúng thần linh, thù tiếp, đãi đằng khách khứa, thu mua vàng bạc”. Còn người cầm quyền của tiên sinh “chỉ là đám lính đánh thuê nhận lương, đóng quân trong thành quốc, không làm gì ngoài việc canh gác liên miên.” [6, tr. 280-281]

Platon (thông qua Socrates ) giải thích rằng: “không có gì nghi ngờ rằng những người này cũng như mọi người đều rất hạnh phúc”. Tuy nhiên, ông cũng giải thích, mục đích của chúng ta trong xây dựng thành quốc “không nhằm làm cho một giai cấp đặc biệt sung sướng, mà nhằm làm cho toàn thể thành quốc đều sung sướng, càng nhiều càng tốt”, “mang lại hạnh phúc không phải cho thiểu số chọn lọc mà cho tất cả mọi người.” [6, tr. 281-282]

### **2.2.3. Từ cấu trúc ba phần của linh hồn đến cấu trúc ba đẳng cấp của xã hội**

Xuất phát từ quan niệm cho rằng những phẩm chất của cá nhân và xã hội đều có nguồn gốc từ trong tâm hồn của con người, do đó (ở nửa cuối Phần IV) Socrates chuyển sang bàn đến vai trò của các yếu tố trong cấu trúc của tâm hồn và mối quan hệ của nó với cấu trúc của xã hội.

Tâm hồn (linh hồn) con người có cấu trúc ba phần: *phần dục vọng* (the appetite part), *phần tinh thần* (the spirited part) và *phần lý trí* (the rational part). Ba phần này có những đối tượng yêu thích khác nhau. Đối tượng của lý trí là *sự hiểu biết* và *chân lý*; đối tượng của tinh thần là *chiến thắng* và *danh dự*; đối tượng của dục vọng là *vật chất*, *tiền tài*, *khoái lạc*. Lý luận về linh hồn có cấu trúc ba phần (tripartite soul) này đã được Platon bàn đến và minh họa trong *Chuyện ẩn dụ về cỗ xe ngựa* (the Allegory of the Chariot) trong tập đối thoại *Phaedros* (tiếng Anh: *Phaedrus*) có lẽ được viết trước tác phẩm “Chính thể Cộng hòa”, trong đó người điều khiển xe đại diện cho *lý trí*, con ngựa

trắng, đẹp bên phải đại diện cho *tinh thần* và con ngựa đen xấu xí bên trái đại diện cho *dục vọng vật chất*.

Theo Platon, trong một con người công chính, tâm hồn là sự kết hợp hài hòa giữa ba phần trong đó lý trí vai trò chủ đạo, với sự trợ giúp của tinh thần, nó chi đạo toàn bộ hoạt động của con người.

Theo Platon lập luận: một người đang *khát* thì chỉ muốn *uống*, không gì có thể ngăn cản anh ta uống nếu không có *lý trí*. Chỉ có lý trí mới kiềm chế được dục vọng. Tinh thần (dũng cảm) cũng là một thứ dục vọng nhưng không phải là dục vọng vật chất (mà là danh dự), do đó khi lý trí và dục vọng vật chất xung đột với nhau, thì tinh thần đứng về phía lý trí. [7, tr. 59]

Từ cấu trúc của linh hồn, Platon xem xét bốn phẩm chất đạo đức cơ bản: *Thông thái* (Wisdom), *Dũng cảm* (Courage), *Điều độ* (Temperance) và *Công chính* (Justice).

Thông thái là phẩm chất chủ yếu của người cầm quyền, Dũng cảm là phẩm chất chủ yếu của người vệ binh.

Khác với Thông thái và Dũng cảm, hai phẩm còn lại Điều độ và Công chính trải đều cho toàn thể xã hội. [6, tr. 300-306]

Đức hạnh *điều độ* có vai trò điều tiết sự hài hòa của ba phần trong linh hồn. Một linh hồn có sự hài hòa giữa ba phần mới là một linh hồn *công chính*. Tuy nhiên, vẫn có sự khác nhau trong linh hồn của các bộ phận người trong xã hội, thể hiện ở chỗ, phần nào trong ba phần đó giữ vai trò là phẩm hạnh căn bản. “Thông thái” là phẩm hạnh căn bản của nhà triết học; “Dũng cảm” là phẩm hạnh căn bản của tầng lớp vệ binh. Người lao động sản xuất vì ham muốn vật chất nên cần phải có đức hạnh “Điều độ”. Khác với hai đức hạnh Thông thái và Dũng cảm, hai phẩm hạnh Điều độ và Công chính là phẩm hạnh chung của mọi người.

Về phương diện nhà nước, một nhà nước công bằng là một nhà nước có

sự phối hợp hài hòa giữa *ba đẳng cấp* với *ba loại linh hồn khác nhau* và *nhiệm vụ khác nhau trong nhà nước*: đẳng cấp cầm quyền, bảo vệ (Rulers hay Guardians), đẳng cấp vệ binh (Auxiliaries) và đẳng cấp người sản xuất (Producers). *Nhà triết học* có phần lý trí là căn bản trong linh hồn nên thuộc đẳng cấp cầm quyền; hai đẳng cấp còn lại có nhiệm vụ phòng vệ xã hội chống ngoại xâm và lao động sản xuất vật chất để nuôi sống xã hội.

Theo Platon, “thành quốc công bằng chính trực khi ba thành phần đó đều hoàn tất việc làm của mình” và “mỗi cá nhân sẽ công bằng chính trực, thực hiện chức năng đúng đắn, nếu mỗi phần trong cá nhân hoàn thành đúng đắn chức năng của mình” [6, tr. 331].

Ngoài sự khác nhau về phẩm chất, năng lực và công việc cụ thể ra, ba đẳng cấp trong thành quốc theo Platon là *binh đẳng* và *thân thiết*. Khác với nhiều thành quốc, ở đó thứ dân gọi người cai trị là “chủ nhân”, trong thể chế dân chủ, họ gọi là “người cầm quyền”; còn trong thành quốc lý tưởng của Platon, nhân dân gọi người cầm quyền là “người che chở, bảo vệ”. Ở các thể chế khác, thứ dân bị coi là “nô lệ”; còn trong thành quốc lý tưởng, người cầm quyền coi nhân dân là “cha nuôi mẹ dưỡng, người trả lương, ủng hộ” họ [6, tr. 375-376].

Platon phản đối việc người Hy Lạp bắt người Hy Lạp làm nô lệ, hoặc để các thành quốc khác làm như vậy. Platon chủ trương trong thành quốc lý tưởng của ông “không có nô lệ là người Hy Lạp và sẽ đề nghị các thành quốc khác noi theo” [6, tr. 390].

Platon cảm thấy đau lòng khi thấy người Hy Lạp đánh nhau trong cảnh huynh đệ tương tàn. Đó là “xung đột nội bộ” không thể gọi là chiến tranh. Platon khuyên binh sĩ không nên coi người cùng giống nòi với mình là kẻ thù, không nên tàn phá nhà cửa, ruộng vườn của họ, không nên bắt người dân làm nô lệ [6, tr. 393-394].

#### **2.2.4. Quân vương triết học (Nhà vua là nhà triết học)**

Theo Platon (thông qua Socrates), nhà vua của thành bang phải là một nhà triết học, người ưu tú nhất trong những nhà triết học. Ông nói:

“Chùng nào mà những nhà cầm quyền chưa phải là những nhà triết học, hoặc những vị vua và những ông hoàng trên thế giới này chưa có được tâm hồn và sức mạnh của triết học, và chùng nào mà sự vĩ đại chính trị và sự thông thái chưa hợp lại làm một ...thì các thành bang sẽ chưa bao giờ được yên ổn tránh khỏi cái ác cái xấu, cũng như nhân loại ... và nhà nước của chúng ta chưa thể sống được và chưa thể nhìn thấy được ánh sáng ban ngày.”

[7; tr. 61] [6, tr. 399-400]

Trong Phần VI, Platon tiếp tục chứng minh rằng nhà triết học không chỉ là người duy nhất có được sự thông thái, mà còn là người có đạo đức cao nhất. Nhà triết học có một linh hồn thánh thiện, đồng nhất với *Ý niệm của về cái Thiện*. Vì nhà triết học chỉ có một mục đích phấn đấu duy nhất là chân lý, tất cả những ham muốn khác đều bị suy giảm. Anh ta thực sự không có động cơ tiền bạc, danh dự, khoái lạc, v.v.. Anh ta không có bất cứ động cơ nào có thể dẫn đến hành vi vô đạo đức. Anh ta không có động cơ ăn cắp, nói dối, khoác lác, hành động đê hèn, v.v.. Cảm xúc và ham muốn của anh ta không còn là động lực mạnh mẽ dẫn đến thói hư tật xấu.

#### **2.2.5. Vấn đề giới tính, hôn nhân và sinh sản trong nhà nước thành bang**

Platon là nhà triết học cổ đại *sớm có quan niệm đúng đắn về năng lực tự nhiên của phụ nữ và chủ trương xây dựng xã hội trong đó phụ nữ được phát triển bình đẳng với nam giới.*

Mặc dù thừa nhận một thực tế, trong nhiều công việc “đàn bà thường yếu kém hơn đàn ông”, nhưng trong một số công việc thì phụ nữ lại giỏi hơn đàn ông, “như dệt vải, nấu nướng, làm bánh, mặt đó đàn bà được coi là giỏi

giang và sẽ bị chê cười nếu đàn ông trở tài qua mặt” [6, tr. 358], nhưng xét về khả năng tự nhiên, thì Platon cho rằng đàn bà và đàn ông đều như nhau, vì “khả năng tự nhiên phân phát tương tự cho mỗi giới”, “và theo lẽ tự nhiên đàn bà dự phần làm việc như đàn ông”. Cũng giống như đàn ông, đàn bà cũng có người có, có người không có khả năng tự nhiên về y khoa, âm nhạc; có người thích đi lính, có người không; có người thích triết học, có người không thích; có người hung hăng, có người nhút nhát. Đặc biệt, Platon cho rằng, đàn bà cũng có khả năng cầm quyền như đàn ông nhưng yếu hơn đàn ông. Cho nên cần phải chọn những người đàn bà thích hợp để chia xẻ công việc quản lý đất nước, “vì họ có khả năng làm việc đó và bản chất đàn bà và đàn ông giống nhau” [6, tr. 360].

Để phụ nữ có đủ năng lực quản lý đất nước, Platon chủ trương một nền giáo dục như nhau đối với hai giới. Và Platon khẳng định “Đối với thành quốc còn gì tốt đẹp hơn là đào tạo ra những người đàn ông, đàn bà xuất sắc” [6, tr. 361]

Platon chủ trương những người vợ của tầng lớp cầm quyền là của chung, con cái của họ cũng là của chung, không có cha mẹ nào biết được con cái của chính mình, và không có trẻ con nào biết được cha mẹ của mình.

“Theo quy định, tất cả nữ vệ quốc (nữ cầm quyền) là của chung của nam vệ quốc; con cái là của chung, cha mẹ không biết con cái, con cái không biết cha mẹ.” [6, tr. 364]

Điều kiện để tạo ra những con người tốt cho xã hội, theo Platon trước hết xã hội phải kiểm soát vấn đề hôn nhân. Những người cai trị chỉ được thực hiện giao phối trong những thời gian được quy định trong năm, đó là trong những lễ hội. Bốc thăm ngẫu nhiên để chọn những người tốt nhất trong hai giới tính để giao phối với nhau và hạn chế tối đa sự giao phối giữa những người kém chất lượng. Các bà mẹ sinh con sẽ được chăm sóc chu đáo với sự

trợ giúp của những vú nuôi. Đảm bảo không người mẹ nào nhận ra con đẻ của mình. Những con người sinh ra và trưởng thành theo kiểu như vậy sau này sẽ được lựa chọn để giao phối với nhau, nhưng cần ngăn cản sự giao phối giữa những người gần huyết thống.

Đàn ông được sinh con trong độ tuổi từ 30 đến 50; đàn từ 20 đến 30. Quan hệ nam nữ bừa bãi và sinh con ngoài độ tuổi quy định là tội lỗi, bất hợp pháp [6, tr. 371].

Theo lập luận của Platon, khi đẳng cấp người cai trị do không biết được ai là, ai không phải là cùng huyết thống với mình thì sẽ tránh được tình trạng chia rẽ, xung đột giữa họ với nhau, vì họ nghĩ rằng bất cứ ai đó cũng có thể là người có quan hệ cha con, anh em với chính họ. Thông qua Socrates, Platon bày tỏ lập luận của mình:

“Cả hai sự cộng đồng về tài sản và cộng đồng về gia đình có khuynh hướng làm cho họ trở thành những người cai trị chân chính; họ sẽ không xé nát thành bang thành từng mảnh do sự khác nhau giữa “cái của tôi” và “cái không phải của tôi”, do mỗi người cố đem những cái họ giành được về cho nhà riêng của họ khi họ có vợ và con riêng, có những khoái lạc và đau đớn riêng. Nhưng (trong cộng đồng này) họ chia xé những khoái lạc và đau khổ chung, vì tất cả họ đều có một quan niệm chung về cái gì là gần gũi và thân thiết đối với họ, và nhờ đó tất cả họ đều hướng tới một cứu cánh chung (mục đích cuối cùng)”. [7; tr. 61]

#### **2.2.6. Các hình thức nhà nước thiếu công chính**

Chế độ nhà nước công chính của thành bang được Platon trình bày trong tác phẩm này và được ông coi như là hình thức *nhà nước lý tưởng* và được những nhà nghiên cứu về sau gọi là *chế độ quý tộc* (tiếng Hy Lạp: *αριστοκρατία* – *aristokratía*, tiếng Anh: *Aristocracy*, có gốc từ *αριστος* – *aristos* có nghĩa là *ưu tú, tốt nhất* và *kratos*: Chính quyền, sự cai trị), tức là một chế

độ xã hội trong đó *tầng lớp những người ưu tú nhất trong xã hội về tri thức và đạo đức* nắm quyền cai trị. Chế độ thành bang do Platon phác họa, mặc dù còn lâu mới đạt tới chế độ cộng hòa dân chủ hiện nay, nhưng dù sao trong chính thể đó, công việc nhà nước được coi là công việc chung có tính cộng đồng nên được dịch sang tiếng Anh là *chế độ cộng hòa* (Republic).

Trong Phần VIII, Platon trình bày 4 hình thức chế độ thiếu công chính bao gồm:

1) *Chế độ tài bản* (tiếng Hy Lạp: *Timokratia*, tiếng Anh *Timocratia*, xuất phát từ chữ Hy Lạp *timē*: *Giá trị, danh dự*) là chế độ cai trị dựa trên danh dự và tài sản.

2) *Chế độ đầu sỏ* (hay *quá đầu*; Tiếng Hy Lạp: *Oligarkhia*, tiếng Anh: *Oligarchy*, xuất phát từ *λίγος* (*oligos*) có nghĩa là *một số* và *ρχω* - *archo*: *cai trị*) là chế độ do một thiểu số người giàu cai trị.

3) *Chế độ dân chủ* (tiếng Hy Lạp: *Demokratia* gồm hai từ *demos* có nghĩa là *số đông, nhân dân* và *cratos* có nghĩa là *chính quyền, sự cai trị*) là chế độ do số đông (nhân dân) cai trị.

4) *Chế độ độc tài* (Tyranny) là sự cai trị của cá nhân nhà độc tài.

Platon còn trình bày sự suy thoái của mỗi hình thức nhà nước này thành hình thức nhà nước xấu hơn. Đó là sự suy thoái của chế độ cai trị bằng danh dự (*Timokratia*) thành chế độ cai trị của nhóm người giàu (*Oligarkhia*). Kết quả là sự tập trung của cải vào nhóm người cai trị, đa số nhân dân nghèo khổ sẽ nổi dậy làm cách mạng lập ra chế độ dân chủ (*Demokratia*). Platon trình bày nguồn gốc ra đời của chế độ dân chủ từ chế độ cai trị của một thiểu số người giàu như sau:

“Và chế độ dân chủ ra đời sau khi những người nghèo đã chinh phục được đối thủ của họ, giết một số và trục xuất một số khác, số còn lại được phân phối một cách bình đẳng quyền tự do và tham gia chính quyền và đây là hình thức cai trị trong đó quan chức được thưởng, được bầu chọn” [7; tr. 65]

Tuy nhiên chế độ dân chủ đến lượt nó cũng sẽ bị suy thoái thành chế độ cai trị độc tài của cá nhân (Tyranny).

Phần IX dành một phần để mô tả con người cai trị độc tài. Nhà cai trị độc tài là con người cai trị bằng những ham muốn phi pháp. Những ham muốn phi pháp sẽ lôi kéo hắn ta đến với đủ mọi thứ tội lỗi kinh tởm, trơ tráo.

Cuối của Phần IX dành để trả lời câu hỏi đặt ra ở Phần II: Liệu con người công bằng chính trực có hạnh phúc hơn con người bất chính không?

Socrates lập luận để chứng minh rằng con người công bằng chính trực thì hạnh phúc hơn con người bất công bất chính.

Platon chứng minh rằng niềm vui thú của nhà triết học là niềm vui thú thật sự. Còn tất cả những niềm vui thú khác chẳng qua chỉ là để làm giảm bớt sự đau đớn mà thôi, không phải là sự vui thú tích cực. Niềm vui thú của nhà triết học được thực hiện hoàn toàn bằng việc nắm vững ý niệm về cái thiện. Socrates tính toán rằng *một quân vương triết học sống vui thú gấp 729 lần một nhà cai trị độc tài*. Tuy đây chỉ là con số tương tượng nhưng dù sao cũng nói lên rằng người công bằng chính trực thì hạnh phúc gấp nhiều lần người bất công bất chính chính. Sau đây là một đoạn đối thoại giữa Socrates và Glaucon:

“Bởi thế khoảng cách vui sướng của bạo chúa độc tài cách vui sướng chân thực có thể diễn tả bằng con số tương đương ba lần ba.”

“Có vẻ vậy”.

“Cho nên ảo tưởng về vui sướng của bạo chúa độc tài tính theo cách nói không gian là số diễn tả mặt bằng.” [6, tr. 646]

“Đúng thế”.

“Bình phương rồi lập phương số này hiển nhiên cho thấy khoảng cách mẫu người vương giả lớn lao như thế nào?”

“Hiển nhiên đối với nhà toán học!”



“Ngược lại nếu tính lũy thừa, quý hữu sẽ thấy ước số khác biệt giữa hai người về vui sướng chân thực là quân vương triết gia vui sướng hơn bạo chúa độc tài 729 lần, bạo chúa độc tài chịu đựng số lượng tương đương về đau khổ hơn quân vương triết gia”. [6; tr. 647]

“Tiên sinh tuôn ra con số kỳ dị tính toán phi thường nhằm diễn đạt khác biệt lớn lao giữa hai mẫu người, người công bình chính trực và người bất công bất chính, dưới góc cạnh vui sướng và đau khổ!”

“Nhưng con số hoàn toàn chính xác và cũng phù hợp khít bao với đời con người, nếu đời con người đo bằng ngày, đêm, tháng, năm” [6; tr. 647]

“Dĩ nhiên là vậy”.

“Nếu người đàng hoàng tử tế, công bình chính trực vượt xa người xấu xa tội tệ, bất công bất chính về vui sướng, liệu mức độ thành công, thắng lợi có sẽ vĩnh viễn lớn hơn về vẻ dịu dàng, nét ngoạn mục và mức đạo đức trong cuộc đời không?”

“Trời ơi, có chứ, khoảng cách thực sự khủng khiếp!” [6; tr. 648]

Phần X cũng là phần cuối cùng bàn về nghệ thuật, về sự bất tử của linh hồn, phần thưởng cho sự công bằng chính trực, sự phán xét người chết.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

“Chính thể cộng hòa” được xem là cột mốc lớn của Triết học phương Tây. Tác phẩm được trình bày dưới dạng đối thoại giữa Platon và những người khác. Mặc dù, những chủ đề chính là về một nhà nước lý tưởng nhưng nó cũng xoay quanh giáo dục, tâm lý, đạo đức và chính trị. Trong nhiều đoạn chính của “Chính thể cộng hòa”, Platon sử dụng những huyền thoại để khám phá bản chất tự nhiên của thực tế, truyền đạt cái nhìn về sự tiên đoán của con người và vai trò của triết học trong việc thiết lập tự do. Ông tưởng tượng ra một cái hang mà những người bị xiềng xích từ khi mới sinh ra làm bạn với cái bóng của chính mình và mang họ đến thực tế. Vai trò của Triết học, cụ thể là những gì Platon gọi là biện chứng, là đưa con người ra khỏi cái bóng và hướng bản thân họ tới thực tế. Đây là bản chất của việc theo đuổi khôn ngoan mà không có một nhà nước lý tưởng nào không làm. Độc giả hiện đại có thể đồng ý với mọi điều Platon nói, cũng như những lý luận chặt chẽ, cái nhìn đầy chất thơ vẫn có sức mạnh trong việc kích thích và thách thức. Sức mạnh lâu dài này đã làm cho “Chính thể cộng hòa” trở thành một trong những nền tảng cho văn hóa phương Tây.

**CHƯƠNG 3**  
**NHỮNG YẾU TỐ HỢP LÝ VÀ HẠN CHẾ**  
**Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ PLATON**  
**TRONG TÁC PHẨM “CHÍNH THỂ CỘNG HÒA”**

Tác phẩm “Chính thể cộng hòa” của Platon chứa đựng nhiều yếu tố hợp lý có giá trị và còn có ý nghĩa đối với thời đại ngày nay. Tất nhiên tác phẩm không tránh khỏi những hạn chế của nhiều tư tưởng duy tâm, duy lý, nhiều biện pháp cực đoan và ảo tưởng do điều kiện thời đại và địa vị giai cấp của nhà triết học.

**3.1. NHỮNG YẾU TỐ HỢP LÝ VÀ HẠN CHẾ TRONG TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ PLATON**

**3.1.1. Những yếu tố hợp lý**

“Chính thể cộng hòa” là tác phẩm có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của tư duy triết học và học thuyết chính trị suốt hơn hai ngàn năm qua. Có người đã cho rằng, nếu đem tất cả sách vở trên thế giới ra đốt hết thì cũng không hề hấn gì, ngoại trừ cuốn “Chính thể cộng hòa” của Platon. Sau đây chúng ta có thể rút ra một số yếu tố hợp lý như sau:

*Một là, trong tác phẩm “Chính thể cộng hòa”, Platon đã lấy công bằng là mục đích xây dựng xã hội lý tưởng. Đối với Platon, công chính (dikaiosuné - công bằng chính trực) là một dạng phẩm hạnh vừa có tính cá nhân vừa có tính cộng đồng, được thực hiện không chỉ trong lĩnh vực phân phối của cải vật chất mà trước hết là trong phân công lao động và trách nhiệm xã hội.*

Công bằng xã hội, chỉ được thực hiện khi mỗi cá nhân làm tròn bổn phận và trách nhiệm của mình, cống hiến tài năng và công sức của mình cho lợi ích của cộng đồng và đất nước. Trong một xã hội công bằng, mỗi người cống hiến tài năng và sức lực vốn có của mình, đảm nhiệm phần việc phù hợp

với khả năng của mình, không chỉ hoàn tất phận sự mà còn thực hiện với ý thức trách nhiệm đối với xã hội.

Theo Platon, sự cản trở nỗ lực thi hành bổn phận và trách nhiệm của con người chính là nguyên nhân dẫn đến bất đồng và xung đột – đó là bản chất của sự bất công. Bất công và hỗn loạn là kết quả xảy ra khi các thành viên trong xã hội phải cố gắng thực hiện những gì nằm ngoài khả năng, kiến thức chuyên môn và sức lực của họ.

Vi thế, ta có thể thấy rằng nhà nước lý tưởng và một xã hội công bằng chỉ có thể tồn tại khi *mỗi công dân thực hiện phần công hiến phù hợp với lĩnh vực chuyên môn và khả năng vốn có của họ*. Để đảm bảo mọi chức vụ hoạt động suông sẻ không giẫm chân lên nhau thì mọi người cần phải ý thức rõ nhiệm vụ và chỗ đứng của mình, không được lấn tuyền vượt rào. Nếu một trong ba tầng lớp đó không còn nhận thức được vị trí của mình thì chiến tranh nhất định sẽ xảy ra. Tư tưởng này có phần giống với tư tưởng “chính danh” của Khổng Tử.

Từ những nhận định đó, Platon đã nói về công bằng như sau: “Công bằng là sở hữu cái thực sự của mình và thực hiện việc đích thực của mình” [6, tr. 314]. Điều đó có nghĩa là *mỗi người chỉ được hưởng tương xứng với những gì mình đã làm ra và làm những công việc đúng với khả năng, chức năng trách nhiệm của mình*. Hay nói theo ngôn ngữ thời nay: *công bằng là sự phù hợp giữa cống hiến và hưởng thụ, giữa năng lực và chức trách, nhiệm vụ*.

Một xã hội gồm những người công bằng chính trực là một xã hội hài hòa và hữu hiệu vì mỗi phần tử ở đúng vị trí của họ, làm theo đúng bản tính của họ giống như những nhạc khí trong một dàn nhạc hoàn hảo. [4, tr. 59]

Hai là, trong quan niệm về những phẩm chất căn bản của con người, nhất là của tầng lớp người cầm quyền, Platon đã xếp “*Thông thái*” lên hàng đầu trong bốn yếu tố: *Thông thái, Dũng cảm, Điều độ và Công chính*. Trong

khi đó ở phương Đông trong suốt mấy nghìn năm lịch sử, “Trí” chỉ được xếp hàng thứ tư trong 4 yếu tố: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí (về sau thêm Tín). Đây là sự khác biệt giữa đường lối “duy lý” của phương Tây với đường lối “duy đức” của phương Đông. Chính đường lối duy lý đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho nền giáo dục toàn diện và sự phát triển về khoa học và kỹ thuật ở phương Tây.

Thông thái là phẩm chất hàng đầu của người cầm quyền; người lãnh đạo tối cao phải là một “quân vương triết học”, nhưng “Thông thái” chưa đủ để trở thành người cầm quyền. Nếu không có “công bằng chính trực” thì không thể thực hiện đoàn kết xã hội, xây dựng xã hội hài hòa được. Đây cũng là một tư tưởng chính trị có giá trị.

*Ba là*, sự phân tích của Platon về mối quan hệ giữa cấu trúc ba phần của linh hồn (tâm hồn, tâm trí) của mỗi người đối với sự hình thành nhân cách và sự phân công lao động xã hội, trong đó có công việc quản lý nhà nước *có hạt nhân hợp lý của nó*, tuy bị che lấp bởi cái vô duy tâm thần bí. Cấu trúc ba phần này nói lên được mối quan hệ tác động chi phối lẫn nhau giữa ba mặt của đời sống tinh thần của người: *bản năng, tình cảm và lý trí*. Dưới ánh sáng của tâm lý học hiện đại, ta biết rằng *lòng ham muốn vật chất* xuất phát từ bản năng sinh vật ở con người, *lòng ham muốn hiểu biết* (yêu mê sự thông thái) xuất phát từ lý trí là đặc trưng của con người. Còn *lòng yêu mến danh dự, lòng dũng cảm* là tình cảm, tâm lý *xuất phát từ bản năng, nhưng đã được lý trí định hướng* và thường đứng về phía lý trí trong cuộc đấu tranh giữa lý trí và bản năng.

Platon không cho rằng *bản tính con người là thiện hay ác*. Ngay cả lòng ham muốn vật chất theo ông chưa phải là cái ác. Nếu nó không được kiềm chế thì mới phát triển thành cái ác. Chính những tên độc tài nham hiểm, tàn ác là do lòng ham muốn vật chất không được kiềm chế bởi lý trí, thậm chí

lý trí của chúng đã biến thành nô lệ của bản năng. Còn nếu được điều tiết bởi phẩm chất “Điều độ” thì lòng ham muốn vật chất sẽ không mâu thuẫn với “công bằng chính trực”. Tuy nhiên, nếu một người ít có lòng ham muốn hiểu biết và quý trọng danh dự thì không nên giao cho họ nhiệm vụ quản lý hay bảo vệ đất nước. Người được giao trách nhiệm quản lý nhà nước là người trí thức có lòng yêu mến sự thông thái, đem hết sức mình phục vụ đất nước; còn những lợi ích khác đều là thứ yếu đối với họ.

*Bốn là*, Platon đã luận chứng cho *mối liên hệ đạo đức và hạnh phúc*. Người công bằng chính trực sung sướng hơn người bất công bất chính, quân vương triết học sung sướng hơn những bạo chúa độc tài. Hay nói cách khác là *người công bằng chính trực là người có hạnh phúc lớn nhất!* kể cả họ là người cầm quyền, chí công vô tư, sống thanh liêm, khắc khổ. Vì một người chỉ có thể sống sung sướng nếu hiểu rõ mục đích của cuộc đời là gì, cái gì có giá trị thực sự và làm thế nào đạt cái đó. Hiểu biết như vậy là đạo đức của con người, với tư cách con người, và cấu thành nghệ thuật sống. Nếu con người nghĩ mục đích cuộc đời là làm giàu, nắm quyền cai trị - hai khát vọng tự chúng không có giá trị, mọi việc làm của con người sẽ lệch hướng, sai đích. Như vậy đến đây ta hoàn toàn có lý khi khẳng định vui thú chân thực chỉ có thể đạt được khi tâm trí đồng nhịp với trạng thái hài hòa, dưới sự chỉ đạo của lý trí. Do vậy ước ao càng hợp lý, mãn nguyện càng thích thú. Cái trật tự và hợp pháp cũng là cái hợp lý hơn cả.

*Năm là*, tư tưởng của Platon về điều kiện để xây dựng một xã hội công bằng là tầng lớp cầm quyền không được có tư hữu. Ý định của ông là muốn xóa bỏ mọi điều kiện để người cầm quyền không mắc phải chủ nghĩa cá nhân và hành động bóc lột; ngày nay tư tưởng này vẫn còn có giá trị nhưng phải được hiểu và vận dụng một cách thông thoáng hơn. Đặc biệt tư tưởng của Platon về *người lãnh đạo tối cao phải là nhà triết học*, theo nghĩa là một

người có tri thức uyên bác và tầm nhìn xa trông rộng vẫn còn giữ nguyên giá trị trong thời đại ngày nay.

*Sáu là*, Platon đã luận chứng cho sự bình đẳng giới giữa nam và nữ không chỉ trong khả năng tiếp thu giáo dục mà cả trong tham gia các hoạt động xã hội, kể cả trong quản lý nhà nước. Ông coi nữ giới cũng là một lực lượng có thể giáo dục và cần phải được tạo điều kiện phát triển như nam giới. Điều này rõ ràng tiến bộ hơn so với quan niệm phương Đông về khả năng của phụ nữ trong việc tham gia giáo dục và hoạt động xã hội.

*Bảy là*, Platon chủ trương *xây dựng một hệ thống giáo dục chặt chẽ từ việc lựa chọn đối tượng, xây dựng nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục cho đến mục đích giáo dục*. Ông đề cao vấn đề giáo dục và tự giáo dục trong xây dựng nhà nước. Mọi người phải được giáo dục về chuyên môn và đạo đức để có một phẩm chất chung và những phẩm chất riêng phù hợp với công việc của mình. Tùy theo phẩm chất riêng mà lựa chọn người để bố trí công việc. Đặc biệt, tầng lớp cầm quyền cần phải được giáo dục, thử thách và chọn lọc kỹ lưỡng

Platon cho rằng cần phải thiết lập một bộ phận *kiểm duyệt các nội dung trước khi đưa vào giáo dục*. Ông coi trọng phương pháp kể chuyện và đối tượng kể chuyện cho trẻ, coi đây là phương pháp tốt, hiệu quả để xây dựng nền tảng bản tính cho con người trong quá trình hình thành nhân cách. Ông có lý khi cho rằng không nên đầu độc trẻ thơ bằng những chuyện kể độc hại trong sử thi Homer và Hesiod. Đọc đến đoạn này trong tác phẩm làm chúng ta giật mình khi nhìn vào thực tế trẻ em của chúng ta hiện nay đang bị đầu độc bởi vô số những truyện kể được sáng tác một cách bừa bãi, những games online đầy bạo lực.

*Tám là*, Platon vạch ra những hạn chế của các thể chế chính trị đương thời, trong đó có chế độ dân chủ, và *khả năng tha hóa của chế độ dân chủ*

*thành chế độ độc tài.* Mẫu người độc tài là con đẻ thực sự của *chế độ dân chủ không đầy đủ* trong đó không có cơ chế hữu hiệu để kiểm soát hành vi của người lãnh đạo tối cao. Platon vạch ra bản chất xấu xa, tội lỗi của những nhà cai trị độc tài và chỉ ra rằng người một quân vương triết học công chính thì hạnh phúc gấp hàng trăm lần những tên độc tài. Tuy những tính toán của ông không có cơ sở khoa học đầy đủ nhưng đây là lời cảnh báo có giá trị lâu dài không chỉ đối với chế độ phong kiến trước đây mà còn cả cho nền chính trị thế giới đương đại.

Platon cũng căn cứ lý thuyết của mình trên các nhận xét thực tế trong các cuộc du lịch của ông. Ông đã để ý đến tầng lớp lãnh đạo thời ấy gồm một thiểu số giáo sĩ. Platon đã so sánh chính thể Ai Cập với chính thể tại thành Athenes và cảm thấy Athenes còn nhiều khiếm khuyết. Tại nước Ý ông có dịp quan sát một nhóm lãnh đạo theo chế độ cộng đồng và ăn chay trường. Nhóm này cầm quyền khá lâu và khá bền vững. Ở Sparta ông cũng quan sát những điều kiện tương tự: Nhóm lãnh đạo ở đây sống một cuộc đời khắc khổ tập thể, họ rất chú trọng đến việc cải thiện nòi giống, chỉ những kẻ khỏe mạnh can đảm thông minh mới được quyền lập gia đình và sinh con cái. Nói tóm lại, khi đề ra chương trình của mình Platon đã không coi đó là một chương trình hào huyền, xa vời thực tế.

Tóm lại, bàn về những tư tưởng triết học chính trị mà đặc biệt là tư tưởng về nhà nước lí tưởng của Platon thì người khâm phục cũng nhiều mà người chê bai cũng không ít. Cái được với ông là mặc dù nhiều người cho nó là xã hội “không tưởng” thế nhưng nó đã có cả một cơ sở về sau đó là giáo hội Thiên Chúa giáo La Mã sống theo tinh thần của ông suốt hơn một ngàn năm ở Châu Âu.

### **3.1.2. Những mặt hạn chế**

Bên cạnh những tư tưởng có giá trị thì tư tưởng chính trị của Platon trong tác phẩm “chính thể cộng hoà” còn có những hạn chế như sau:



*Một là, Platon không thấy tính giai cấp của nhà nước.* Trong lịch sử nhân loại cho đến nay chưa hề có “nhà triết học làm vua”. Người cầm quyền không phải là người có trí tuệ và đạo đức cao nhất, mà bao giờ cũng là người đại biểu cho một thế lực mạnh nhất trong cuộc đấu tranh giành quyền lực, “được làm vua, thua làm giặc”. Tuy nhiên, điều này không loại trừ khả năng thực hiện tư tưởng đó trong xã hội tương lai khi sự phân chia giai cấp đối kháng không còn nữa. Nếu chấp nhận điều này thì một câu hỏi được đặt ra: Lực lượng nào là người nắm quyền tuyển chọn, bố trí người có tài đức cao nhất làm người lãnh đạo đất nước? Tất nhiên đó là *nhân dân*, cho nên điều kiện tiên quyết là *cần phải có một cơ chế dân chủ có đầy đủ hiệu lực*, nhưng Platon thì lại phản đối chế độ dân chủ.

*Hai là, cái xã hội chính trị lý tưởng của Platon mặc dù được che đậy bằng những ý tưởng rất tốt đẹp như công bằng, hạnh phúc nhưng nó đã không bảo đảm được những vấn đề cơ bản của cá nhân*, bởi “Những mối nguy hiểm đều bắt nguồn từ những ý định rất tốt đẹp là xác lập sự công bằng chung cho mọi người”, nó sẽ làm cho tinh thần trách nhiệm bị lu mờ. Khi tất cả của cải đều thuộc quyền sở hữu của tất cả mọi người thì sẽ không còn ai lo giữ gìn của cải ấy.

Platon đã ảo tưởng cho rằng người cai trị không được có tài sản, không có vợ con riêng, lợi ích riêng. Không bao giờ có thể thực hiện hiện được điều này đối với một nhà nước thế tục. Chính điều này sau này bị Kitô thời Trung cổ giáo lợi dụng trong việc xây dựng một nhà nước tôn giáo.

Chế độ cộng sản của Platon bắt buộc dân chúng sống cuộc đời tập thể nghĩa là *giết chết sự độc đáo cá nhân và sự tự do của đời tư*, chỉ những kẻ giác ngộ mới có thể sống đời sống tập thể mà không gây ra những xích mích nan giải. Đem áp dụng lối sống ấy cho đại đa số quần chúng là một điều sai lầm; không thể bắt dân chúng sống theo mức sống đạo đức quá cao so với

mức trung bình, không thể bắt dân chúng hấp thụ một nền giáo dục chi thích hợp với một thiểu số xuất chúng. Trái lại, chúng ta phải nhắm đến một lối sống trung bình thích hợp với đa số quần chúng và một chính thể mà đại đa số có thể chấp nhận.

*Ba là, chế độ hôn nhân gia đình của Platon đi ngược lại hạnh phúc tự nhiên và lợi ích của cá nhân do vậy chỉ tồn tại trong xã hội nguyên thủy mà thôi, không thể tồn tại trong xã hội văn minh được.*

Những lời chỉ trích Aristotle, người học trò thông minh nhất của Platon, được nhiều nhà triết gia hưởng ứng: “Khi ông muốn phá vỡ đời sống gia đình, ông đã phá vỡ điều kiện cho một nếp sống đạo đức. Chế độ cộng sản của Platon chẳng qua chỉ là một chế độ gia đình được nói rộng cho toàn dân, khi đã kích gia đình, Platon không biết rằng ông đã phá vỡ nền móng của xã hội lí tưởng mà ông sắp xây cất”. Do vậy, Will Durant mới nhận xét: “Quốc gia của Platon là một quốc gia thủ cựu, thuật chính trị của Platon thiếu sự tế nhị mềm dẻo, nó đề cao trật tự mà không đề cao sự tự do, nó thích cái đẹp mà không biết nuôi dưỡng nghệ sĩ” *Luận văn vẫn còn một số lỗi chính tả: tr 41, 48, 72...* Phần mục lục không có mục 2.2.6...

*Luận văn vẫn còn một số lỗi chính tả: tr 41, 48, 72...* Phần mục lục không có mục 2.2.6...

Platon đã không nhận thấy được sự quý giá và thiêng liêng trong tình cảm vợ chồng, cha mẹ với con cái, ông đã không tiên liệu được tính ghen của người đàn ông và kẻ căm thù từ thiêng liêng của người đàn bà vì thế ông mới chủ trương chồng chung, vợ chung, con cũng chung và như vậy ông đã xúc phạm đến phong tục tập quán và đạo đức sơ đẳng của con người.

Những lời chỉ trích kể trên không phải hoàn toàn xa lạ đối với Platon. Nếp sống cộng sản do ông chủ xướng không áp dụng đối với quảng đại quần chúng. Platon biết rằng chỉ một thiểu số giác ngộ mới đủ đức tính tinh thần để

sống một cuộc đời lãnh đạo, chỉ những người lãnh đạo mới xem nhau như anh em, chỉ những người lãnh đạo mới từ bỏ quyền tư hữu. Đa số dân chúng còn lại được quyền sống theo các tập tục cổ xưa, họ được phép có của riêng, được phép sống xa hoa, được phép cạnh tranh, họ có thể sống với gia đình, chồng dâu vợ đó, mẹ dâu con đó... Đối với tầng lớp lãnh đạo họ phải có tinh thần danh dự và sự hãnh diện của đẳng cấp mình, chính những yếu tố này cho phép họ sống cuộc đời khắc khổ tập thể. Đối với tinh mẫu tử, chúng ta phải công nhận rằng tình này không mãnh liệt khi đứa trẻ chưa sinh ra hoặc chưa lớn, người mẹ trung bình chấp nhận đứa hài nhi sơ sinh không phải bằng sự vui mừng mà bằng sự nhẫn nhục. Tình mẫu tử không phải có ngay lúc đó mà chỉ lớn dần cùng với đứa con với sự săn sóc của người mẹ, nó trở thành một mối tình lớn khi đứa con trở thành sự đúc kết của công lao người mẹ.

*Bốn là*, trong việc phân chia tầng lớp xã hội, Platon chỉ dựa trên phẩm chất tinh thần và năng lực bẩm sinh, ông dựa trên cơ sở lý luận về linh hồn bất tử có trước cơ thể nên đã phạm sai lầm *cứng nhắc, không thấy tính biến động thường xuyên của phân tầng xã hội*. Đồng thời Platon *không thấy mối quan hệ kinh tế giữa các tầng lớp*.

Người ta thường chê trách rằng Platon chưa ý thức được sự đổi thay thăng trầm của tất cả các chế độ kinh tế, văn hóa cũng như chính trị. Ông phân loại người thành những tầng lớp không khác gì nhà côn trùng học phân loại các côn trùng. Ông còn tạo ra các huyền thoại để bắt buộc dân chúng tin tưởng vào sự phân loại ấy. Quốc gia của Platon là một quốc gia thù cừu, thuật chính trị của Plato thiếu sự tế nhị mềm dẻo, nó đề cao trật tự mà không đề cao sự tự do, nó thích cái đẹp mà không biết nuôi dưỡng các nghệ sĩ.

Chúng ta có thể kết luận rằng tầng lớp lãnh đạo của Platon là một tầng lớp có quyền mà không có trách nhiệm chăng? Không phải như vậy, họ có quyền chính trị và quyền điều khiển đất nước nhưng họ không có quyền lực

kinh tế. Tầng lớp làm kinh tế có thể từ chối cấp dưỡng nếu họ bất bình với với tầng lớp lãnh đạo, cũng như ngày nay quốc hội kiểm soát hành pháp bằng cách biểu quyết ngân sách. Một số người khác thắc mắc làm sao tầng lớp lãnh đạo có thể giữ vững được quyền hành nếu không kiểm soát được những lực lượng kinh tế? Họ dựa vào lý thuyết của Hamilton và Marx cho rằng quyền lực chính trị chỉ là phản ánh của kinh tế, quyền lực chính trị sẽ không còn gì một khi quyền lực kinh tế đã vào tay một nhóm người khác như đã xảy ra tại Châu Âu trong thế kỷ XVIII.

Đó là một lý lẽ rất căn bản, tuy nhiên chúng ta thấy rằng quyền lực của giáo hội Thiên chúa giáo La Mã đã có một thời rất oanh liệt không phải nhờ thế lực kinh tế mà nhờ vào sự tín ngưỡng của dân chúng. Quyền lực của giáo hội ngày xưa một phần là do ở trạng thái nông nghiệp: Những nhà nông thường dễ mê tín vì nghề nghiệp của họ tùy thuộc rất nhiều vào thiên nhiên. Khi các điều kiện kinh tế thay đổi, khi nền kinh tế kỹ nghệ bắt đầu thay thế cho nền kinh tế nông nghiệp, thì quyền lực của giáo hội bắt đầu giảm sút. Quyền lực chính trị phải luôn luôn được điều chỉnh để ăn khớp với tình trạng kinh tế. Tầng lớp cầm quyền của Platon không chóng thì chầy sẽ bị phụ thuộc vào tầng lớp sản xuất đã nuôi dưỡng nó. Dù tầng lớp cầm quyền nằm trong tay tất cả quân lực cũng không thoát khỏi sự lệ thuộc ấy. Quan niệm chính yếu của Platon có lẽ là muốn chứng minh rằng dù cho các lực lượng kinh tế quyết định chính sách quốc gia, những kẻ thi hành chính sách này phải là những nhà chuyên môn, không thể để những nhà thương gia, kỹ nghệ gia cầm quyền chính trị vì họ chưa được huấn luyện trong lĩnh vực này.

Mặt khác, ông đã phạm một sai lầm trầm trọng khi ông đã quá xem thường những tầng lớp dưới trong việc phân chia tầng lớp. Ông đã quá lí tưởng vấn đề trật tự mà quên đi rằng con người rất cần và rất quan trọng vấn đề tự do vì họ không phải là những con robot để có thể mặc định như thế nào

cũng được. Thật ra, những tầng lớp dưới không phải là không biết làm chính trị, chỉ tại bởi lẫn ranh tầng lớp đã bó buộc và ngăn cản bước tiến của họ. Nếu có điều kiện họ cũng làm chính trị rất giỏi và rất xuất sắc. Chúng ta cũng đã từng nghe ông Abraham Lincoln, một tổng thống Mỹ, vốn xuất thân là một anh đánh giầy dầy thôi. Platon chủ trương rằng những kẻ cầm quyền phải là những kẻ ưu tú nhất, ông còn thêm rằng những kẻ cầm quyền phải được huấn luyện chu đáo. Đó là hai ý kiến đã được đem ra bàn cãi và đã được áp dụng nhiều lần trong lịch sử; sau cùng cần phải nói thêm rằng quốc gia lý tưởng của Platon không nhất thiết phải là một quốc gia trên thực tế, nó chỉ ấn định đường hướng cho các quốc gia khác noi theo. Tuy nhiên đã có lần Platon muốn thực hiện một quốc gia lý tưởng: Đó là vào khoảng năm 384 TrCN, Platon được một quốc vương mời làm cố vấn để thực hiện những cải cách sâu rộng. Platon nhận lời nhưng lẽ cố nhiên việc của ông không thành vì quốc vương kia không muốn giảm bớt quyền hạn của mình. Tục truyền rằng Platon bị kết tội khi quân và bị đem bán làm nô lệ.

*Năm là, Platon đã tuyệt đối hóa yếu tố bẩm sinh khi lựa chọn đối tượng giáo dục.* Tuy đây là yếu tố có ý nghĩa quan trọng trong lựa chọn đối tượng giáo dục song đó không phải là yếu tố duy nhất quyết định, mà khả năng thụ huấn còn phụ thuộc rất lớn vào sự cần cù chịu khó, sáng tạo và sự nỗ lực của bản thân mỗi chủ thể.

Platon đã bỏ qua môi trường giáo dục gia đình. Trong khi gia đình chính là nơi nuôi dưỡng tâm hồn con người, là gốc rễ của những điều tốt đẹp trong cuộc sống. Chính điều này đã phá vỡ nền móng của một xã hội tốt đẹp mà Platon đã dày công xây đắp.

Platon chủ trương chỉ giáo dục hai đối tượng là nhà cai trị và những người lính, còn những người như thợ thủ công, nông dân, nô lệ tuyệt nhiên không được Platon đề cập đến.

Platon đã sai lầm khi cho rằng phương pháp giáo dục để con người nắm được chân lý là làm cho linh hồn con người hồi tưởng lại những gì đã quên lãng. Trong khi đó, con người muốn nhận thức được thế giới không có cách nào khác là phải bằng con đường học hỏi, kế thừa những thành tựu của thế hệ trước để lại và tiếp tục khám phá thế giới vật chất thông qua quá trình lao động chứ không thể trông chờ vào ý thức tiên nghiệm hoặc sự hồi tưởng lại của linh hồn mà nó đã quên lãng.

### **3.2. Ý NGHĨA CỦA TƯ TƯỞNG TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ PLATON ĐỐI VỚI THỜI ĐẠI NGÀY NAY**

Có thể nói, tư tưởng chính trị của Platon trong tác phẩm “Chính thể cộng hòa” mặc dù ra đời cách đây hơn hai nghìn năm nên không tránh khỏi những hạn chế lịch sử nhất định, nhưng nếu xem xét kỹ thì chúng ta sẽ thấy trong tư tưởng đó chứa đựng rất nhiều giá trị bất hủ, có ý nghĩa lâu dài ngay cả trong thời đại ngày nay, nhất là khi nhân loại đang tìm cách vượt qua tình trạng xã hội bị phân chia thành giai cấp đối kháng để tiến tới một xã hội công bằng, tốt đẹp.

Vấn đề có ý nghĩa lớn đầu tiên là *công bằng xã hội*. Vấn đề này đã được Platon đặt ra từ thời cổ đại, bị lãng quên trong thời kỳ trung đại và đang được đặt lại một cách tích cực trong thời đại ngày nay. Công bằng ngày nay không chỉ là xu hướng phát triển chung của thế giới đương đại mà còn là *điều kiện cho tăng trưởng kinh tế, là tiêu chí, thước đo đánh giá mức độ phát triển bền vững của một xã hội*.

Vấn đề mà Platon đặt ra trong tác phẩm lớn nhất của mình trong thời đại của ông chỉ có tính chất mơ ước, viễn tưởng thì ngày nay đã trở thành một vấn đề có tính hiện thực. Mặc dù hiện nay vẫn có nhiều quan niệm khác nhau cũng như những lý thuyết khác nhau về sự công bằng và những lý thuyết này vẫn chưa đủ để tạo ra một cách hiểu thống nhất về sự công bằng, bởi lẽ mỗi

một nền văn hóa, ở không gian và thời gian khác nhau lại xuất hiện những cách hiểu, cách đánh giá khác nhau về sự công bằng, nhưng rõ ràng công bằng xã hội đang từng bước được thực hiện ở những mức độ khác nhau trong tất cả các quốc gia trên thế giới.

Ngày nay trước xu thế toàn cầu hóa, hội nhập, công bằng dần được nhìn nhận trong một phạm vi rộng lớn hơn, không chỉ được hiểu là công bằng trong phạm vi quốc gia, mà hơn thế, công bằng còn được hiểu ở phạm vi quốc tế. Việc thực thi hiệu quả các vấn đề như công bằng trong việc tiếp cận các cơ hội, công bằng trong việc gánh vác trách nhiệm chung, công bằng trong việc hưởng các quyền tự do, công bằng dựa trên chủ nghĩa cộng đồng và công bằng giữa các thế hệ sẽ góp phần kiến tạo nên một sự phát triển bền vững về nhiều phương diện ở phạm vi toàn cầu.

Vấn đề công bằng xã hội mà Platon đặt ra có ý nghĩa đối với thời đại ngày nay không chỉ ở chỗ Platon coi công bằng là mục đích xây dựng xã hội, mà còn ở quan niệm Platon về *con đường để thực hiện xã hội công bằng*. Để xây dựng một xã hội công bằng, *trước hết cần phải có những người lãnh đạo có phẩm chất công bằng chính trực*. Đây là điểm tương đồng giữa tư tưởng Platon ở Hy Lạp với tư tưởng của Khổng Tử ở phương Đông.

Hồ Chí Minh đã coi *chính trực* là một phẩm chất quan trọng bao trùm nhất của người cán bộ cách mạng. Trong “*chính*” đã bao hàm *cần, kiệm, liêm*. Người nói:

“Cụ Khổng Tử nói: Minh có đứng đắn, mới tề được gia, trị được quốc, bình được thiên hạ. Tự mình phải *chính* trước, mới giúp được người khác *chính*. Minh không *chính*, mà muốn người khác *chính* là vô lý.” [20, tr. 644]

“Minh phải *chính tâm tu thân*”, nghĩa là việc gì cũng phải làm kiểu mẫu; có thể mới “trị quốc bình thiên hạ” được. ... Muốn cải tạo xã hội thì lòng mình phải cải tạo. Nếu lòng mình không cải tạo thì đừng nói đến cải tạo xã

hội. Lòng mình còn tham ô, lãng phí, muốn cải tạo xã hội làm sao được." [21, tr. 72]

Quan niệm của Platon về “quân vương triết học” với tính cách là sự kết hợp giữa năng lực chính trị với sự thông thái triết học vẫn còn có giá trị rất lớn trong việc lựa chọn người đứng đầu nhà nước trong xã hội ta hiện nay. *Người lãnh đạo không có tư hữu* nếu hiểu theo tinh thần mácxít là *không dùng tư hữu, tư bản để bóc lột* người khác là một trong những điều kiện để làm người lãnh đạo chí công vô tư, một trong những yêu cầu hàng đầu về đạo đức người lãnh đạo trong thời đại ngày nay.

Tư tưởng của Platon về việc *đào tạo chu đáo, thử thách gay go, sàng lọc cẩn thận* những người thuộc tầng lớp cầm quyền vẫn còn có ý nghĩa rất lớn. Thực tế cho thấy, công tác lựa chọn, đào tạo nguồn cán bộ có đủ năng lực và phẩm chất đạo đức để đảm nhiệm công việc nhà nước là vấn đề có ý nghĩa quyết định thành công của sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta. V.I. Lênin đã từng căn dặn: Chú ý tìm cho ra và thử thách một cách hết sức nhẫn nại, hết sức thận trọng những người thực sự có tài tổ chức, những người có bộ óc sáng suốt và có bản lĩnh tháo vác trong thực tiễn... Chỉ có những người như vậy chúng ta mới đề bạt lên những chức vụ lãnh đạo của nhân dân, lên những chức vụ quản lý sau khi đã thử thách họ hàng chục lần bằng cách cho họ đảm nhận từ những nhiệm vụ đơn giản nhất đến những nhiệm vụ khó khăn nhất.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm đến vấn đề giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện tác phong, phương pháp làm việc và đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Làm tốt việc lựa chọn, đào tạo nguồn cán bộ sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc giáo dục, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí và sử dụng cán bộ có chất lượng, đúng người, đúng việc; tránh tình trạng thiếu hụt cán bộ, phải bố trí tạm thời, lấp chỗ trống. Đây là điều kiện tiên quyết để xây dựng cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh.



Đặc biệt, tư tưởng của Platon về xây dựng một nhà nước *không có người bóc lột và người bị bóc lột*, mà chỉ có khác nhau về đẳng cấp do tài năng, phẩm chất và phân công lao động, về *bình đẳng nhân phẩm, quan hệ thân thiết* giữa người cầm quyền với nhân dân lao động vẫn còn hợp lý trong điều kiện ngày nay. Nó có tác dụng không chỉ chống lại tư tưởng người áp bức, bóc lột người, người này bắt người khác làm nô lệ phục vụ cho mình, mà đồng thời cũng chống lại tư tưởng bình quân, cá mè một lứa.

Việc Platon chỉ ra *cơ sở tự nhiên của sự bình đẳng giữa nữ giới với nam giới* trong mọi lĩnh vực, kể cả trong công việc lãnh đạo đất nước giúp cho chúng ta có một cách nhìn đúng đắn hơn về tính tất yếu khách quan của việc thực hiện bình đẳng nam nữ trong thời đại hiện nay.

Dù những vấn đề chính trị, những cải cách dân chủ đã diễn ra từ thế kỷ VII - VI TrCN (cải cách dân chủ gắn với tên tuổi của Sôlông), song chính Platon là một trong những nhà triết học hàng đầu đã giành cho chính trị một sự quan tâm đặc biệt, thông qua các tác phẩm tiêu biểu, nhất là *Chính thể cộng hòa, Luật pháp, Chính trị ...* Đó là các tư tưởng phê phán của ông đối với nền dân chủ chủ nô thể hiện thái độ của một bộ phận công dân tự do của Athens, chứ không chỉ của tầng lớp quý tộc chủ nô. Điều này là hợp lý! Platon chỉ ra những hạn chế của các hình thức cai trị đương thời và khả năng suy thoái của chế độ dân chủ thành chế độ độc tài xuất phát từ những nguyên nhân đã có sẵn trong chế độ đó. Thông qua sự phê phán của Platon đối với chế độ dân chủ, các chính thể dân chủ cần xem lại chính mình để không rơi vào sự ngưng đọng, sự trì trệ và cực đoan, không dẫn tới khủng hoảng và suy vong.

Với sự gợi mở về lý tưởng chính trị (*Cộng hòa, Timaeus, Critias...*), về nghệ thuật quyền lực (*Luật pháp, Chính trị*), và các lĩnh vực hoạt động chính trị gắn kết với chính trị, Platon đã tạo được ảnh hưởng nhất định trong lịch sử

tư tưởng chính trị. Cái mà Platon mong muốn trong mô hình nhà nước lý tưởng là công bằng và đồng thuận xã hội. Hai giá trị cần thiết đó hôm nay đã trở thành mục tiêu của xã hội dân sự, của các quốc gia trên con đường phát triển.

Tư tưởng chính trị của Platon đã để lại dấu ấn trong các thời đại sau, được nhắc đến trong các nhà tư tưởng thời Trung cổ (Ôguýtxtanh, Tômát Aquin), thời Phục hưng (trường phái Platon tại Florence), thời Cận đại (triết học chính trị từ F. Bacon đến John Locke, các nhà khai sáng thế kỷ XVIII) và triết học cổ điển Đức nửa sau thế kỷ XVIII- nửa đầu thế kỷ XIX. Dù không trực tiếp nhắc đến Platon, những C. Mác trong *Bản thảo kinh tế - triết học* năm 1844, đã nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng chủ nghĩa cộng sản “nhất trí với chủ nghĩa nhân đạo”.

Xây dựng một nhà nước lý tưởng, đối với nhiều người, có thể là không khó khăn nhưng để có thể xây dựng một đất nước lý tưởng thật sự ở trong thực tế thì không phải dễ mà nếu không khéo thì sẽ chuốc lấy những hậu quả nặng nề từ ý tưởng mộng mơ đó. Ở đây ta nhận ra một điều là dù muốn xây dựng một quốc gia lý tưởng theo bất cứ chủ trương đường lối nào cũng được nhưng tuyệt đối phải được đặt nền móng trên người dân, tất cả phải “do dân và vì dân”. Lịch sử đã cho thấy, chưa có quốc gia nào xa rời với người dân mà thành công và tồn tại lâu dài. Và có một điều cần phải lưu ý là xã hội là một thực thể sống động, luôn luôn biến chuyển và đổi thay. Vì thế, khi xây dựng phát triển nền chính trị xã hội chúng ta cũng cần phải linh động và uyển chuyển theo từng thời điểm mà có những việc làm thích hợp. Chúng ta không thể lấy cái cố định mà ràng buộc cái bất định, đó là một việc làm phi lí, không hợp với quy luật, không hợp với tự nhiên thì không thể nào thành công là một điều dễ dàng nhận ra.

Và cuối cùng, chúng ta phải có lời khen ngợi với Platon, đầu ông không

đưa ra được những đường hướng đúng đắn nhất, nhưng không ai đòi hỏi một triết gia có những kế sách cho mấy ngàn năm cả. Với những ý tưởng của ông trong một xã hội cổ đại Hy Lạp thì quả thật đáng kính và đáng phục rồi. Có lẽ nếu ông sống vào thời đại ngày nay thì không những chỉ có bấy nhiêu vấn đề và tư tưởng và biết đâu “quốc gia lý tưởng” của ông sẽ thực hiện thành công?

## KẾT LUẬN

Tư tưởng chính trị, đạo đức làm nổi bật hai hình ảnh trái ngược nhau của Platon - Platon như nhà nhân văn, nhà khai sáng, và Platon như người mở đường cho chủ nghĩa bảo thủ trong chính trị. Mô hình nhà nước của ông thực chất là sự thụ lùi về quan điểm chính trị, vì ông đã lấy cái quá khứ làm hình mẫu cho tư tưởng chính trị của mình, mà không nhìn vào tương lai, để hiểu rằng nhân loại sẽ đi trên con đường tiến bộ, gắn nguyên tắc công bằng mà ông hằng ấp ủ với tự do, dân chủ và văn minh.

Mặt khác, cùng với khía cạnh thế giới quan và nhận thức luận, tư tưởng chính trị Platon đã để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử tư tưởng nhân loại, từ thời cổ đại, trung cổ, cận đại, và đến tận hôm nay vẫn tiếp tục gợi lên những suy nghĩ khác nhau về mô hình nhà nước lý tưởng, vấn đề chủ thể quyền lực, tổ chức đời sống xã hội, quan điểm về sở hữu và giáo dục...

“Chính thể Cộng hòa” được xem là cột mốc lớn của triết học phương Tây. Tác phẩm được trình bày dưới dạng đối thoại giữa Platon và những người khác. Mặc dù chủ đề chính là về một nhà nước lý tưởng nhưng nó còn xoay quanh câu chuyện về giáo dục, tâm lý, đạo đức và chính trị. Trong những mục chính của “Chính thể cộng hòa”, Platon sử dụng những huyền thoại để khám phá bản chất tự nhiên của thực tế, truyền đạt cái nhìn về sự tiên đoán của con người và vai trò của triết học trong việc thiết lập tự do. Ông tưởng tượng ra một cái hang mà những con người bị xiềng xích từ khi mới sinh ra, chỉ làm bạn với cái bóng của chính mình. Vai trò của triết học là đưa con người thoát ra khỏi cái bóng, và hướng bản thân họ đến với thực tế. Đây chính là bản chất của việc theo đuổi sự khôn ngoan mà không một nhà nước lý tưởng nào không làm...

Một điều thú vị về tác phẩm này là nó được viết ra nhằm cho tầng lớp bình dân đọc. Vì vậy, dù là một tác phẩm lớn nhưng người đọc “Chính thể

cộng hòa” sẽ luôn cảm thấy rất thú vị và sinh động, không hề có cảm giác hoang mang cho người đọc như các tác phẩm của Kant, mặc dù để hiểu hết tư tưởng trong quyển sách này thì ngay cả các học giả cũng không dám chắc.

Platon là một nhà đại hiền triết của nhân loại, ông đã để lại một di sản vô cùng đồ sộ đặt nền móng cho hàng loạt các môn khoa học sau này. Trong đó có tư tưởng của ông về triết học chính trị. Tư tưởng đó được ông truyền đạt tập trung trong tác phẩm “Chính thể cộng hòa”, đây là một tác phẩm kinh điển vô tiền khoáng hậu trong lịch sử tư tưởng nhân loại. Những tư tưởng triết học chính trị của ông tuy có những hạn chế do sự quy định của thời đại song nó còn chứa đựng nhiều tư tưởng có giá trị mà chúng ta cần phải tiếp thu và vận dụng trong việc chấn hưng nền chính trị ở Việt Nam hiện nay.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### Tiếng việt

- [1] Tống Văn Chung, Nguyễn Quang Thống (1990), *Lịch sử triết học cổ Hy – La*, tập I, Nxb Đại học Tổng hợp Hà Nội.
- [2] Nguyễn Tiến Dũng (2005), *Lịch sử triết học Tây Phương*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
- [3] W.Durant (2000), *Câu chuyện triết học*, Tí Hào và Bửu Đích dịch, Nxb Đà Nẵng.
- [4] Phạm Bá Điền (2012) *Tư tưởng giáo dục của Platon qua tác phẩm “Nền cộng hòa”*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh.
- [5] Đỗ Minh Hợp, Nguyễn Thanh, Nguyễn Anh Tuấn, (2006), *Đại cương lịch sử triết học Phương Tây*, Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6] Đỗ Khánh Hoan (dịch 2013), *Platon - Cộng hòa*, Nxb Thế giới.
- [7] Nguyễn Tấn Hùng (2012), *Lịch sử triết học Phương Tây: Từ triết học Hy Lạp cổ đại đến triết học cổ điển Đức*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [8] Nguyễn Tấn Hùng (2013), *Bài giảng “Một số tác phẩm triết học trước Mác”*, Đại học Đà Nẵng.
- [9] Benjamin Jowett & M.J.Knight (2008), *Platon chuyên khảo*, Lưu Văn Hy và Trí Tri dịch, Nxb Văn hóa - Thông tin.
- [10] V.I. Lênin, *Toàn tập*, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1971, tập 27
- [11] C. Mác và Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t. 20, Nxb Chính trị quốc gia.
- [12] C. Mác và Ph. Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t. 3, Nxb Chính trị quốc gia.

- [13] C. Mác và Ph. Ăngghen (1994), Toàn tập, t. 12, Nxb Chính trị Quốc gia.
- [14] C. Mác và Ph. Ăngghen (1994), Toàn tập, t. 20, Nxb Chính trị Quốc gia.
- [15] C. Mác và Ph. Ăngghen (1994), Toàn tập, t. 40, Nxb Chính trị quốc gia.
- [16] Đặng Thai Mai (1950), *Lịch sử triết học Phương Tây*, Nxb. Sách giáo khoa, Hà Nội.
- [17] Đặng Thai Mai (1995), *Lịch sử Triết học cổ đại Hy Lạp – La Mã*, Viện Khoa học xã hội Thành Phố Hồ Chí Minh.
- [18] Hà Thúc Minh (1993), *Triết học Hy Lạp – La Mã*, Viện Khoa học xã hội Thành Phố Hồ Chí Minh.
- [19] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4.
- [20] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 5
- [21] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 7
- [22] Hồ Chí Minh *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tập 12
- [23] Nguyễn Thế Nghĩa và Doãn Chính (2002), *Lịch sử Triết học – Tập I, Triết học cổ đại*, Nxb Khoa học Xã hội.
- [24] Lê Tôn Nghiêm (2000), *Lịch sử triết học Tây phương - Tập I: Thời kỳ khai nguyên triết lý Hy Lạp*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh.
- [25] Thái Ninh (1987), *Triết học Hy Lạp cổ đại*, Nxb Sách giáo khoa Mác – Lênin, Hà Nội.
- [26] Vương Đức Phong và Ngô Hiểu Minh (2003), *Mười nhà tư tưởng lớn thế giới*, Phong Đào dịch, Nxb Văn Hóa - Thông Tin, Hà Nội.
- [27] Trần Văn Phòng (2006), *Triết học Hy Lạp cổ đại*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [28] Platon (1960), *Gorgias*, Trịnh Xuân Ngạn dịch, Sài Gòn.
- [29] Platon (1961), *Phedon*, Trịnh Xuân Ngạn dịch, Sài Gòn.

- [30] Platon (1963), *Nền Cộng hòa*, Trần Thái Đình dịch, Sài Gòn.
- [31] Platon (1963), *Cộng hoà*, Trần Thái Đình dịch, Sài Gòn.
- [32] Platon (1974), *Nhà nguy biện*, Lê Tôn Nghiêm dịch, Viện Triết học.
- [33] Platon (1974), *Nhà nguy biện*, Lê Tôn Nghiêm dịch, Viện triết học.
- [34] Platon (2011), *Đổi thoại Socratic I*, Nguyễn Văn Khoa dịch, chủ giải và dẫn nhập, Nxb Tri Thức. Bùi Thanh Quát, Vũ Tình (2000), *Lịch sử triết học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội Platon - Xenophon (2006), *Socrates tự biện*, Nguyễn Văn Khoa dịch, Nxb. Tri Thức, Hà Nội.
- [35] Nguyễn Thị Quyết (2011), *Quan niệm của Platon về nhà nước lý tưởng*, Luận văn thạc sĩ Triết học, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [36] Lê Thanh Sinh (2001), *Triết học phương Tây trước Mác*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh.
- [37] Samuel Enoch Stumpt (2004), *Lịch sử triết học và các luận đề*, Đỗ Văn Thuấn, Lưu Văn Hy dịch, Nxb. Lao động.
- [38] P.S. Taranop (2000), *106 nhà thông thái*, Đỗ Minh Hợp dịch và hiệu đính, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
- [39] Đinh Ngọc Thạch (1999), *Triết học Hy Lạp cổ đại*, Nxb Chính Trị quốc gia, Hà Nội.
- [40] Trần Đức Thảo ( 1995), *Lịch sử tư tưởng trước Mác*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [41] Viện Hàn Lâm khoa học xã hội Liên Xô (1956), *Lịch sử phép biện chứng Tập 1, Phép biện chứng cổ đại*, Đỗ Minh Hợp dịch, Đặng Hữu Toàn hiệu đính, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [42] Viện Thông Tin khoa học xã hội (1996), *Triết học Đông Tây*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.



- [43] Viện Triết học Liên Xô (1956), *Lịch sử Triết học phương Tây*, Đặng Thai Mai dịch, Nxb Xây dựng, Hà Nội.
- [44] Hoàng Xuân Việt (2004), *Lịch sử triết học Phương Tây*, Nxb Thành Phố Hồ Chí Minh.
- [45] Nguyễn Hữu Vui (1998), *Lịch sử Triết học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [46] Đinh Thanh Xuân (2004), *Tư tưởng biện chứng trong triết học Hy Lạp cổ đại*, Luận văn thạc sĩ triết học, Viện Triết học, Hà Nội.

### **Tiếng Anh**

- [47] J.B. Bury, *A History of Greece To the Death of Alexander the Great*, New York, The MacMillan Company, 1900,  
<https://archive.org/details/AHistoryOfGreeceToTheDeathOfAlexanderTheGreat>.
- [48] T.Z. Lavine, *From Socrates to Sartre: The Philosophic Quest*, Bantam Books, New York, 1989.
- [49] Platon (2012), *The Republic*, Translated by Benjamin Jowett, eBook@Adelaide, University of Adelaide.
- [50] The Republic of Plato, *Translated by Benjamin Jowett*, in 10 Books, [classics.mit.edu/Plato/republic.html](http://classics.mit.edu/Plato/republic.html)
- [51] The Republic of Plato, translated by Allan Bloom, Basics Books, 1968,  
[http://www.inp.uw.edu.pl/mdsic/Political\\_Thought/Plato-Republic.Pdf](http://www.inp.uw.edu.pl/mdsic/Political_Thought/Plato-Republic.Pdf)
- [52] Wikipedia, the free encyclopedia (2013), *Platon*,  
<http://vi.wikipedia.org/wiki/platon>
- [53] VnExpress, “*Cộng hòa*” - *Triết phẩm nền tảng cho tư tưởng phương Tây*, (Thứ ba, 05/11/2013)

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc giao đề tài và trách nhiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ**

#### **GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 10/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 7520/QĐ-ĐHĐN ngày 21 tháng 11 năm 2011 của Giám đốc Đại học Đà Nẵng về việc công nhận học viên cao học trúng tuyển;

Xét Công văn số 136/ĐHKT-SDH ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế về việc đề nghị ra Quyết định giao đề tài và trách nhiệm hướng dẫn luận văn thạc sĩ;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao cho học viên cao học **Trịnh Ngọc Tú**, lớp K24.TRI.BĐ, chuyên ngành *Triết học*, thực hiện đề tài luận văn *Tư tưởng triết học chính trị của Platon trong tác phẩm "Chính thể cộng hoà"*, dưới sự hướng dẫn của PGS.TS. Nguyễn Tấn Hùng, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.


**Điều 2.** Học viên cao học và người hướng dẫn có tên ở Điều 1 được hưởng các quyền lợi và thực hiện nhiệm vụ đúng theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ của Đại học Đà Nẵng.

**Điều 3.** Các ông Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo Sau đại học, Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế, các Ban hữu quan, người hướng dẫn luận văn và học viên có tên trên căn cứ Quyết định thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu VP, Ban ĐTSĐH.

GIÁM ĐỐC *TV*



**PGS.TS. Trần Văn Nam**

